

TT	Ngành nghề thu hút đầu tư	Giấy chứng nhận đầu tư của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên
	kiến, ghi nhận phản hồi của khách hàng, đưa ra các giải pháp cải tiến sản phẩm, chất lượng và dịch vụ đối với các thiết bị điện gia dụng, các sản phẩm gia dụng	cấp lần đầu ngày 30/3/2012, thay đổi lần thứ tư ngày 22/9/2023.
31	Dịch vụ tư vấn kỹ thuật	- Giấy chứng nhận đầu tư cấp cho Công ty TNHH Công nghiệp Seiko Việt Nam, mã số 9810476590, cấp lần đầu ngày 17/10/2012, thay đổi lần thứ tám ngày 13/9/2022. - Giấy chứng nhận đầu tư cấp cho Công ty TNHH Organo (Việt Nam), mã số 9863847624, cấp lần đầu ngày 07/7/2016, thay đổi lần thứ sáu ngày 01/4/2024. - Giấy chứng nhận đầu tư cấp cho Công ty TNHH Công nghệ Hoya Memory Disk, số 5464228470, cấp lần đầu ngày 01/4/2013, thay đổi lần thứ tám ngày 21/8/2024. - Giấy chứng nhận đầu tư cấp cho Công ty TNHH D.I.D Việt Nam, số 5470647217, cấp lần đầu ngày 09/6/2017, thay đổi lần thứ năm ngày 09/01/2023.
32	Thi công lắp đặt hệ thống xử lý cấp, thoát nước; bảo trì, bảo dưỡng hệ thống xử lý cấp thoát nước và công trình do công ty trực tiếp thiết kế, thi công và lắp đặt; dịch vụ xây dựng đối với các thiết kế dân dụng	Giấy chứng nhận đầu tư cấp cho Công ty TNHH Organo (Việt Nam), mã số 9863847624, cấp lần đầu ngày 07/7/2016, thay đổi lần thứ sáu ngày 01/4/2024.
33	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học công nghệ	- Giấy chứng nhận đầu tư cấp cho Công ty TNHH Công nghệ Hoya Memory Disk, mã số 5464228470, cấp lần đầu ngày 01/4/2013, thay đổi lần thứ tám ngày 21/8/2024. - Giấy chứng nhận đầu tư cấp cho Công ty TNHH Hoya Glass disk Việt Nam II, mã số 2183428574, cấp lần đầu ngày 18/12/2008, thay đổi lần thứ mười hai ngày 15/6/2023.
34	Phân phối, kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu	Giấy chứng nhận đầu tư cấp cho Công ty TNHH Xăng dầu IDEMITSU Q8, mã số 3238866746, cấp lần đầu ngày 26/12/2017, thay đổi lần thứ hai ngày 22/2/2022.
35	Cung cấp dịch vụ kiểm tra kỹ thuật và chứng nhận tính	Giấy chứng nhận đầu tư cấp cho Công ty TNHH TUV Rheinland Việt Nam, mã số 5402002777, cấp lần

TT	Ngành nghề thu hút đầu tư	Giấy chứng nhận đầu tư của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên
	tương thích điện từ đối với các sản phẩm điện và điện tử	đầu ngày 07/5/2015, thay đổi lần thứ hai ngày 02/8/2022.
36	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	Giấy chứng nhận đầu tư cấp cho Công ty cổ phần phát triển công nghiệp Intech, mã số 43533335360, cấp lần đầu ngày 18/9/2023, thay đổi lần thứ nhất ngày 09/10/2024.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí môi trường như dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí môi trường như dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích: 525,7 ha, bao gồm:

+ Diện tích đã hoàn thành hạ tầng kỹ thuật và các công trình bảo vệ môi trường giai đoạn 1 và giai đoạn 2: 345,2 ha.

+ Diện tích đã hoàn thành hạ tầng kỹ thuật và các công trình bảo vệ môi trường giai đoạn 3.1: 56,9 ha.

+ Diện tích tiếp tục triển khai giai đoạn 3.2: 123,6 ha.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long II:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long II có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường

này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **07 năm.**

(từ ngày 17... tháng 12... năm 2024 đến ngày 16 tháng 12 năm 2031).

Giấy phép môi trường số 132/GPMT-BTNMT ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND tỉnh Hưng Yên (để phối hợp chỉ đạo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên;
- Ban Quản lý các KCN tỉnh Hưng Yên;
- Công Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- Văn phòng Tiếp nhận & TKQGQTTHC, Bộ TN&MT;
- Công ty TNHH KCN Thăng Long II;
- Lưu: VT, KSONMT, M.12.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Công Thành

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 54.5./GPMT-BTNMT ngày 17. tháng 12. năm 2024
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:****1.1. Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt:**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực Văn phòng điều hành;

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh của khu hạ tầng kỹ thuật;

- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh của các nhà bảo vệ.

1.2. Nguồn phát sinh nước thải công nghiệp:

- Nguồn số 04: Nước thải từ các doanh nghiệp thứ cấp trong Khu công nghiệp Thăng Long II (trừ nước thải công nghiệp của Công ty TNHH Hoya Glass Disk Việt Nam II được miễn trừ đầu nối theo quy định);

- Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ máy ép bùn của trạm xử lý nước thải;

- Nguồn số 06: Nước thải phát sinh từ quá trình rửa dụng cụ của phòng thí nghiệm tại trạm xử lý nước cấp của Khu công nghiệp Thăng Long II.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh Trần Thành Ngọ, đoạn kênh do Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hưng Yên quản lý, thuộc hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 2313060.220; Y = 559892.465

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$ múi chiều 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 15.000 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý từ 03 đơn nguyên xử lý nước thải tự chảy vào hồ chứa nước thải sau xử lý, sau đó tự chảy hoặc được bơm cưỡng bức theo đường ống ra kênh Trần Thành Ngọ. Việc bơm cưỡng bức nước thải sau xử lý ra kênh Trần Thành Ngọ được thực hiện trong trường hợp mực nước kênh cao hơn mực nước hồ chứa nước thải sau xử lý.

- Hình thức xả: Xả mặt.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp

ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường của QCDP 02:2019/HY- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp ($K_q = 0,9$, $K_f = 0,9$ và $K_{hy} = 0,85$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	°C	40	03 tháng/lần	Đã lắp đặt
2	pH	-	6 - 9		Đã lắp đặt
3	COD	mg/l	51,64		Đã lắp đặt
4	TSS	mg/l	34,43		Đã lắp đặt
5	Màu	Pt/Co	50		Đã lắp đặt
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,05		Đã lắp đặt
7	Tổng nitơ	mg/l	16,2		Đã lắp đặt
8	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	3,24		Đã lắp đặt
9	BOD ₅ (20°C)	mg/l	20,66		Không yêu cầu
10	Asen	mg/l	0,04		
11	Thủy ngân	mg/l	0,004		
12	Chì	mg/l	0,081		
13	Cadimi	mg/l	0,04		
14	Crom (VI)	mg/l	0,04		
15	Crom (III)	mg/l	0,162		
16	Đồng	mg/l	1,62		
17	Kẽm	mg/l	2,43		
18	Niken	mg/l	0,162		
19	Mangan	mg/l	0,405		
20	Sắt	mg/l	0,81		
21	Tổng xianua	mg/l	0,056		
22	Tổng phenol	mg/l	0,081		
23	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,05		
24	Sunfua	mg/l	0,162		
25	Florua	mg/l	4,05		
26	Clorua	mg/l	405		
27	Clo dư	mg/l	0,81		
28	Coliform	Vi khuẩn/100ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về trạm xử lý nước thải tập trung:

- Nguồn số 01, nguồn số 02 và nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực Văn phòng điều hành, khu hạ tầng kỹ thuật và khu vực các nhà bảo vệ được xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại 3 ngăn, sau đó theo các trạm bơm chuyên bậc được bơm về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung công suất 15.000 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt và công nghiệp của các đơn vị thứ cấp (ngoại trừ, Công ty TNHH Hoya Glass Disk Việt Nam chỉ đầu nối nước thải sinh hoạt vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải chung của khu công nghiệp, nước thải công nghiệp được miễn trừ đầu nối) sau khi xử lý sơ bộ được bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp 15.000 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nguồn số 05: Nước thải từ máy ép bùn của trạm xử lý nước thải theo đường ống được bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 15.000 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nguồn số 06: Nước thải từ quá trình rửa dụng cụ của phòng thí nghiệm tại trạm xử lý nước cấp được thu gom, xử lý tại hệ thống xử lý nước cấp; nước rửa dụng cụ sau khi đo bộ kit test nhanh được thu gom, quản lý như chất thải nguy hại.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại:

- Số lượng, dung tích thiết kế:

+ 18 bể tự hoại bao gồm 01 bể dung tích 18 m³, 02 bể dung tích 5,5 m³ và 15 bể dung tích 3 m³ tại khu vực Văn phòng điều hành, nhà bảo vệ và khu hạ tầng kỹ thuật của Khu công nghiệp Thăng Long II giai đoạn 1.

+ 07 bể tự hoại có dung tích 3 m³/bể tại nhà bảo vệ của Khu công nghiệp Thăng Long II giai đoạn 2.

+ 01 bể tự hoại có dung tích 4,875 m³ tại nhà bảo vệ của Khu công nghiệp Thăng Long II giai đoạn 3.1.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Ngăn 1 (Điều hòa, lắng, phân hủy sinh học) → Ngăn 2 (Lắng, phân hủy sinh học) → Ngăn 3 (Lọc) → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Hóa chất sử dụng: Không

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải tập trung:

1.2.2.1. Công trình, thiết bị xử lý nước thải số 01 (Đơn nguyên xử lý nước thải số 01):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể gom nước thải → Ngăn tách cát → Bể điều hòa → Bể kỵ khí → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Hồ chứa nước thải sau xử lý → kênh Trần Thành Ngọ.

- Công suất thiết kế: 3.000 m³/ngày (24 giờ).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaClO, NaOH, PAC (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này).

1.2.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải số 02 (Đơn nguyên xử lý nước thải số 02):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể gom nước thải → Bể lắng cát → Bể điều hòa → Bể điều chỉnh pH → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí 1 → Bể hiếu khí 2 → Bể trung gian → Bể trộn → Bể lắng → Bể khử trùng → Hồ chứa nước thải sau xử lý → kênh Trần Thành Ngọ.

- Công suất thiết kế: 6.000 m³/ngày (24 giờ).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, HCl, PAC, Polymer, NaClO, Ethanol (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này).

1.2.3.4. Công trình, thiết bị xử lý nước thải số 03 (Đơn nguyên xử lý nước thải số 03):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể gom nước thải → Bể lắng cát → Bể điều hòa → Bể điều chỉnh pH → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí 1 → Bể hiếu khí 2 → Bể tiêu bùn (1&2) → Bể trộn → Bể tạo bông → Bể lắng → Bể khử trùng → Hồ chứa nước thải sau xử lý → kênh Trần Thành Ngọ.

- Công suất thiết kế: 6.000 m³/ngày (24 giờ).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, HCl, PAC, Polymer, NaClO, Ethanol (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng: 01 trạm.

- Vị trí lắp đặt: Tại cuối kênh hở dẫn nước thải sau xử lý trước khi xả vào hồ chứa nước thải sau xử lý.

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, Độ màu, TSS, COD, Amoni, T-N, T-P.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: Có.

- Camera theo dõi: Đã lắp camera giám sát.

- Kết nối, truyền số liệu: Dữ liệu được truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên để theo dõi, giám sát theo quy định.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố:

Đã xây dựng 01 hồ ứng phó sự cố cho hệ thống xử lý nước thải tập trung có thể tích 66.000 m³. Thành hồ được xây bằng đá hộc trát xi măng để ngăn ngừa nước thải thẩm thấu ra môi trường đất. Mực nước trong hồ được duy trì ở cao độ + 0,3 m so với đáy hồ để bảo dưỡng công trình.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Trường hợp nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải, đóng van xả nước thải sau xử lý ra môi trường. Nước thải vượt quy chuẩn tự chảy về bể gom nước thải đầu vào của các đơn nguyên xử lý nước thải để xử lý lại hoặc dẫn về hồ sự cố trước khi bơm về các đơn nguyên xử lý nước thải để xử lý lại.

- Trường hợp 01 trong 03 đơn nguyên xử lý nước thải gặp sự cố thiết bị, nước thải được xử lý bằng các đơn nguyên còn lại, đồng thời nước thải từ đơn nguyên bị sự cố được bơm về hồ sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được bơm từ hồ sự cố về bể gom nước thải đầu vào của các đơn nguyên xử lý nước thải để xử lý lại.

- Trường hợp 02 hoặc cả 03 đơn nguyên xử lý nước thải gặp sự cố, nước thải tại các đơn nguyên và nước thải đầu vào sẽ được bơm về hồ sự cố để lưu giữ. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải từ hồ sự cố được bơm về các đơn nguyên xử lý nước thải để xử lý.

- Ban hành tiêu chuẩn đầu nổi nước thải trong khu công nghiệp, buộc các doanh nghiệp thứ cấp xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn đầu nổi trước khi xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục để giám sát nước thải sau xử lý; bố trí cán bộ phụ trách về môi trường được đào tạo, chuyên giao kỹ thuật vận hành trạm xử lý nước thải tập trung, ứng phó sự cố.

- Định kỳ hàng năm tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

1.5. Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Thăng Long II:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn tiếp nhận
1	Nhiệt độ	°C	40
2	pH	-	6-9
3	COD	mg/l	350
4	TSS	mg/l	200
5	Màu	Pt/Co	50
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	15
7	Tổng nitơ	mg/l	60
8	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	15
9	BOD ₅ (20°C)	mg/l	300
10	Asen	mg/l	0,0405
11	Thủy ngân	mg/l	0,004
12	Chì	mg/l	0,081
13	Cadimi	mg/l	0,0405
14	Crom (VI)	mg/l	0,0405
15	Crom (III)	mg/l	0,162

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn tiếp nhận
16	Đồng	mg/l	1,62
17	Kẽm	mg/l	2,43
18	Niken	mg/l	0,162
19	Mangan	mg/l	0,405
20	Sắt	mg/l	0,81
21	Tổng xianua	mg/l	0,0567
22	Tổng phenol	mg/l	0,081
23	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,05
24	Sunfua	mg/l	0,162
25	Florua	mg/l	4,05
26	Clorua	mg/l	405
27	Clo dư	mg/l	0,81
28	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,0405
29	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	0,243
30	Tổng PCB	mg/l	0,00243
31	Coliform	Vi khuẩn/100ml	3.000
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm do các công trình xử lý nước thải nêu tại Giấy phép môi trường này không thay đổi so với các công trình xử lý nước thải tại Giấy phép môi trường số 132/GP-BTNMT theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Khu công nghiệp (trừ nước thải công nghiệp của Công ty TNHH Hoya Glass Disk Việt Nam đã được miễn trừ đầu nối), bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom, xử lý và xả nước thải sau xử lý của Khu công nghiệp. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải có hố ga lắng cặn trước khi xả vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa, thu gom và thoát nước thải sau xử lý phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước

thải tập trung phải có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.4. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT. Trường hợp hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đã đáp ứng các yêu cầu theo quy định, Công ty được miễn trách nhiệm quan trắc định kỳ nước thải đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024; sau thời gian này, chỉ được miễn thực hiện quan trắc nước thải công nghiệp định kỳ đối với các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục.

3.5. Công ty chịu trách nhiệm ký kết và thực hiện hợp đồng với đơn vị quản lý công trình thủy lợi và chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật về xả nước thải vào công trình thủy lợi theo quy định. Trường hợp việc xả nước thải sau xử lý gây ảnh hưởng xấu tới chất lượng của công trình thủy lợi, Công ty phải phối hợp chặt chẽ với đơn vị quản lý công trình thủy lợi để giải quyết theo hợp đồng đã ký kết và quy định của pháp luật.

3.6. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom nước thải từ các nhà đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra ngoài môi trường; chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép môi trường này ra môi trường. *me*

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 545/GPMT-BTNMT ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

Nguồn số 01: Hệ thống máy thổi khí của Trạm xử lý nước thải tập trung.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Tọa độ đại diện: X=2313297 ; Y= 559543

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°30' múi chiều 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

1.1. Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị (tra dầu, mỡ, vệ sinh bụi bám trên cánh quạt...) đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

1.2. Trồng cây xanh nhằm giảm thiểu tiếng ồn phát tán ra khu vực xung quanh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung của phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung; đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy định.

me

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 5.45/GPMT-BTNMT ngày 17 tháng 12 năm 2024
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên, chất thải công nghiệp phải kiểm soát được thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	113
2	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	51
3	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	2.085
4	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	18 01 02	100
5	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	36
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	45
7	Xăng dầu thải	17 06 02	18
8	Pin, ắc quy thải	16 01 12	20
9	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại	19 05 02	113
10	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	12 06 05	3.042.000
11	Bùn thải, cặn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước cấp	12 09 03	3.314.220
12	Pin mặt trời thải (tấm quang năng thải)	19 02 08	336
	Tổng khối lượng		6.359.137

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh (trừ chất thải được tái sử dụng, sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu cho hoạt động sản xuất (ký hiệu là TT-R)):

STT	Chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bùn nạo vét từ hệ thống thu gom, thoát nước mưa	1.200.000
2	Bóng đèn LED thải bỏ	120
	Tổng khối lượng	1.200.120

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: **84,94** tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Đã trang bị thùng, phuy, can có nắp đậy.

2.1.2. Kho lưu chứa:

a) Kho lưu chứa chất thải nguy hại số 01 (lưu chứa các chất thải nguy hại trừ bùn thải từ các công trình xử lý nước thải tập trung và công trình xử lý nước cấp):

- Diện tích: 15 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho có tường gạch bao quanh và mái che bằng tôn; nền bê tông chống thấm, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có rãnh và hố thu gom chất thải lỏng chảy tràn, có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định.

b) Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại số 02 (lưu chứa bùn thải từ các công trình xử lý nước thải tập trung):

- Diện tích: 196 m² (bao gồm cả khu vực đặt máy ép bùn).

- Thiết kế, cấu tạo: Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại số 02 nằm trong khu vực đặt máy ép bùn; được bao quanh bằng vách tôn, mái lợp tôn, nền bê tông và có biển cảnh báo, dán nhãn theo quy định.

c) Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại số 03 (lưu chứa bùn thải từ công trình xử lý nước cấp):

- Diện tích: 306 m² (bao gồm cả khu vực đặt 03 máy ép bùn).

- Thiết kế, cấu tạo: Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại số 03 nằm trong khu vực đặt 03 máy ép bùn của công trình xử lý nước cấp; mái lợp tôn, nền bê tông và có biển cảnh báo, dán nhãn theo quy định.

d) Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại số 04 (lưu chứa bùn thải từ công trình xử lý nước cấp):

- Diện tích: 105 m² (bao gồm cả khu vực đặt 01 máy ép bùn).

- Thiết kế, cấu tạo: Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại số 04 nằm trong khu vực đặt 01 máy ép bùn của công trình xử lý nước cấp; mái lợp tôn, nền bê tông và có biển cảnh báo, dán nhãn theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Các thùng nhựa có nắp đậy.

2.2.2. Kho lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt:

- Diện tích: 65 m².
- Thiết kế, cấu tạo: Tường gạch, nền bê tông, mái bằng.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. *ne*

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 545/GPMT-BTNMT ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

1. Đã hoàn thành các công trình, hạng mục công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường thuộc phần diện tích 402,1 ha (trên tổng diện tích 525,7 ha) theo Quyết định số 1814/QĐ-BTNMT ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp Thăng Long II mở rộng (giai đoạn 3)”, tỉnh Hưng Yên.

2. Các nội dung Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long II tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường này, cụ thể như sau:

- Tiếp tục thực hiện thủ tục giao đất và hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật (sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) đối với phần diện tích 123,6 ha.

- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật gồm: San nền, đào đắp tạo mặt bằng xây dựng, hệ thống cấp nước, hệ thống thu gom, thoát nước mưa, hệ thống thu gom thoát nước thải, hệ thống giao thông, hệ thống thông tin liên lạc,...

- Nâng công suất Trạm xử lý nước cấp từ 24.000 m³/ngày đêm lên 39.000 m³/ngày đêm.

- Xây dựng 02 đơn nguyên xử lý nước thải có công suất 9.000 m³/ngày đêm/đơn nguyên.

- + Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể gom nước thải → Bể lắng cát → Bể điều hòa → Bể điều chỉnh pH → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí 1 → Bể hiếu khí 2 → Bể tiêu bùn (1&2) → Bể trộn → Bể tạo bông → Bể lắng → Bể khử trùng → Hồ chứa nước thải sau xử lý → Kênh Trần Thành Ngọ.

- + Nước thải sau xử lý phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường của QCDP 02:2019/HY - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp ((K_q = 0,9, K_f = 0,9 và K_{hy} = 0,85) trước khi xả ra kênh Trần Thành Ngọ.

- Xây dựng 01 hồ điều hòa RP5 có dung tích 24.814 m³.

3. Thực hiện công tác bảo vệ môi trường và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng các phần diện tích còn lại của cơ sở, cụ thể như sau:

- + Nước thải sinh hoạt: Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân tại các công trường thi công được thu gom vào khoảng 01 - 03 nhà vệ sinh lưu động;

hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ hút, vận chuyển và xử lý khi đầy bể, không xả thải ra môi trường. Quy trình: nước thải sinh hoạt → nhà vệ sinh lưu động → đơn vị chức năng hút, vận chuyển, xử lý định kỳ.

+ Nước thải thi công: Bố trí hồ lắng cấu tạo 03 ngăn, dung tích khoảng 03 m³/hồ để thu gom, lắng lọc toàn bộ nước thải từ hoạt động rửa phương tiện, thiết bị thi công. Nước thải sau khi được bẫy dầu, lắng, lọc được tái sử dụng vào mục đích rửa thiết bị, dụng cụ, làm ẩm nguyên vật liệu thi công, đất đá thải trước khi vận chuyển, tưới nước dập bụi trên công trường thi công, không xả thải ra môi trường. Đất, cát tại hồ lắng được nạo vét và vận chuyển xử lý cùng chất thải thi công; váng dầu mỡ được thu gom định kỳ và vận chuyển đến kho lưu chứa chất thải nguy hại tạm thời của Dự án. Quy trình xử lý: nước thải xây dựng → hồ lắng → tách dầu → lắng cặn → tuần hoàn rửa thiết bị, dụng cụ, làm ẩm vật liệu thi công, đất, đá thải trước khi vận chuyển, tưới nước dập bụi.

+ Nước mưa chảy tràn: được thu gom vào hệ thống mương, rãnh xung quanh Dự án chảy về hệ thống các hồ lắng kích thước khoảng L x B x H = (2 x 1,5 x 1) m/hồ, với khoảng cách 800m/hồ, bố trí dọc theo hướng thoát nước, nước sau lắng cặn được thoát ra kênh Trần Thành Ngọ và kênh Hồ Chí Minh. Quy trình xử lý: nước mưa chảy tràn → rãnh thoát nước → hồ lắng → kênh Trần Thành Ngọ và kênh Hồ Chí Minh.

4. Sau khi hoàn thành các hạng mục trên, Công ty có trách nhiệm báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường để được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất. Nước thải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

3. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường; có hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO 14001 được chứng nhận theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 3, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Ban hành và nghiêm túc thực hiện quy chế về bảo vệ môi trường của khu công nghiệp theo quy định của pháp luật.

7. Bảo đảm tỷ lệ cây xanh theo quy định của pháp luật về xây dựng.

8. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo vệ công trình thủy lợi, xả nước thải vào công trình thủy lợi theo các quy định pháp luật về thủy lợi và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

TĐ

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH PANASONIC APPLIANCES VIỆT NAM
TẠI HƯNG YÊN**

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**CỦA CƠ SỞ
NHÀ MÁY PANASONIC APPLIANCES VIỆT NAM
TẠI HƯNG YÊN**

Địa điểm:

**Lô G2, Khu công nghiệp Thăng Long II, xã Nguyễn Văn Linh,
tỉnh Hưng Yên**

**PHỤ LỤC 1.2
CÁC HỢP ĐỒNG
THU GOM, XỬ LÝ CHẤT THẢI**

HƯNG YÊN - NĂM 2025

HỢP ĐỒNG THU GOM VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP
CONTRACT ON INDUSTRIAL WASTE COLLECTION AND TREATMENT

Số: 16-04/2025/PAPVN-NSX

No.: 16-04/2025/PAPVN-NSX

Hôm nay, ngày 16 tháng 04 năm 2025 tại Văn phòng Công ty TNHH môi trường Ngôi Sao Xanh, chúng tôi gồm:

Today, 16th Apr, 2025 we are:

BÊN A / PARTY A : CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH PANASONIC APPLIANCES VIỆT NAM TẠI HUNG YÊN (PAPVN-TL2)

Branch of Panasonic Appliances VietNam Co., Ltd in Hung Yen (PAPVN-TL2)

Địa chỉ / Address : Lô G2 Khu công nghiệp Thăng Long II, xã Liêu Xá, Huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Plot G2, Thang Long Industrial Park II, Lieu Xa Commune, Yen My Dist, Hung Yen, Vietnam

Mã số thuế / Tax code : 0101382443-001

Người đại diện / Representative : Ông Uwahara Takehiro - Giám đốc chi nhánh /Branch Director

Điện thoại / Tel : 0221 625 1700

Fax : 84-221 625 1718

Tài khoản số / Bank account No. : 243264 (VND) - Ngân hàng MUFG Bank, Ltd. – Chi nhánh TP Hà Nội

Bank account No. : 243264 (VND) - MUFG Bank, Ltd. – Ha Noi Branch

VÀ / AND

BÊN B / PARTY B : CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG NGÔI SAO XANH

Địa chỉ / Address : Thôn Đồng Sài, xã Phù Lãng, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Mã số thuế / Tax code : 2300970940

Người đại diện / Representative : VŨ VĂN CƯỜNG
: Tổng Giám Đốc

Điện thoại / Tel : 0222 3717 286

Tài khoản số / Bank account No : 113002866088 Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Người đại diện liên hệ / : **Trần Thị Trang**
Representatives contact
Điện thoại/ *Tel* : 0943406088
Email : trang@vngreenstar.com

Bên A và Bên B sau đây được gọi riêng là “Bên”, và gọi chung là “Các Bên” hoặc “Hai Bên”.

Party A and Party B shall hereinafter individually be referred to as the “Party”, and collectively and jointly as the “Parties” or “two Parties”.

Hai Bên cùng nhau thỏa thuận và thống nhất nội dung Hợp đồng Thu gom và Xử lý Chất thải công nghiệp (“Hợp đồng”) như sau:

Two Parties have discussed and agreed terms & conditions of the Contract on Industrial waste collection and treatment (“Contract”) as the followings:

Điều 1: Phạm vi công việc

Article 1: Scope of work

Bên A thuê Bên B và Bên B đồng ý thực hiện những công việc sau

Party A agree to hire Party B and Party B agree to implement the following works:

- 1.1 Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của Bên A (“**chất thải**”).

Collect, transport and treat Industrial waste and Hazardous waste (“waste”) arising from Party A's production and business activities.

- 1.2 Bên A đồng ý bán và Bên B đồng ý mua toàn bộ khối lượng phế liệu có thể tái chế được phát sinh trong quá trình sản xuất của Bên A (“**phế liệu**”) như được cụ thể hóa tại Phụ lục 01 kèm theo Hợp đồng này.

Party A agreed to sell and Party B agreed to buy whole amount of scrap which can be recycled generated from the production process of Party A (“Scrap”) as attached detail in Appendix 01 of this Contract.

Quy ước: viết tắt của “Chất thải nguy hại” là CTNH

Note: abbreviation of “Hazardous waste” is CTNH

Điều 2 : Địa điểm, thời gian giao nhận, phương tiện vận chuyển.

Article 2: Place & time for waste collection, mean of transportation:

- 2.1 Địa điểm giao nhận chất thải: Tại các vị trí kho chứa chất thải của Bên A.

Place to collect the waste: At Party A's waste storages.

- 2.2 Địa điểm lưu giữ, xử lý chất thải: khu lưu giữ và thực hiện việc xử lý chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại của Bên B.

Storing and treating place: Party B's storage place and implement treatment of the industrial wastes, hazardous waste .

- 2.3 Phương thức xử lý chất thải: Theo đúng các phương án được cấp phép trong Giấy phép xử lý số 176/GPMT- BTNMT của Bên B.

Treatment method: In accordance with the treatment method that has been issued in License for hazardous waste management No 176/GPMT- BTNMT of Party B.

- 2.4 Thời gian giao nhận chất thải: Phương tiện vận chuyển có mặt tại địa điểm giao nhận chất thải chậm nhất trong 24 tiếng kể từ khi nhận được thông báo của Bên A (bằng điện thoại, email hoặc fax) trừ ngày nghỉ lễ và Chủ Nhật.

Transfer time: Transportation vehicles shall be available at the waste collection within 24 hours after receiving request from Party A (by phone, fax or email) except the holidays and Sunday.

- 2.5 Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm bố trí nhân công và phương tiện vận chuyển chuyên dụng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép để thực hiện dịch vụ theo Hợp đồng này. Xe Bên B vào thu gom vận chuyển cần tuân thủ theo các quy định của Bên A.

Means of conveyance: will be arranged by Party B, including workers with transportation means permitted by the authorities for implementing services under this Contract. Besides, the transport vehicles of Party B have to follow the procedures of Party A when go in Party A's waste storages to collect waste.

- Bên B có trách nhiệm thông báo biển số các phương tiện vận chuyển với Bên A ít nhất hai mươi tư (24) giờ trước khi phương tiện vận chuyển của Bên B đi vào địa điểm giao nhận. Bên A có trách nhiệm bố trí đường vào, đường ra, và bãi đỗ phù hợp cho phương tiện vận chuyển của Bên B.

Party B shall notify Party A of the number plates of the Means of conveyance at least twenty-four (24) hours before Party B's means of conveyance enter the place of delivery. Party A shall be responsible for arranging appropriate entrances, exits, and parking lots for Party B's means of conveyance.

- Trong trường hợp do các lý do khách quan, ví dụ như tắc đường hoặc quy định mới của cơ quan nhà nước về việc phân luồng giao thông, các phương tiện vận chuyển của Bên B không thể đến nhận hoặc vận chuyển chất thải đến khỏi địa điểm giao nhận theo đúng lịch trình dự kiến, Bên B phải kịp thời thông báo với Bên A để cùng bàn bạc tìm phương án giải quyết phù hợp. Trong trường hợp này, Bên B sẽ không phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A đối với các thiệt hại phát sinh do Bên B không theo đúng lịch trình dự kiến.

In case due to objective reasons, such as traffic jams or new regulations of state authorities on traffic diversion, Party B's means of conveyance are unable to pick up or transport waste from the delivery location according to the expected schedule, Party B shall promptly notify Party A to discuss and find an appropriate solution. In this case, Party B shall not be responsible for compensating Party A for damages incurred due to Party B not following the expected schedule.

Điều 3: Nguồn chất thải cần xử lý và phế liệu thu mua

Article 3: Sources of waste need to process and scrap purchased

- 3.1 **Danh mục chất thải và đơn giá xử lý:** Theo Phụ lục 01 kèm theo Hợp đồng này

List of Waste items and treatment unit price: According to the Appendix No. 01 attached

Trường hợp chủ nguồn thải có phát sinh chất thải mới hai Bên sẽ thống nhất phương án xử lý và đơn giá bổ sung bằng việc ký kết phụ lục Hợp đồng. Phụ lục sửa đổi, bổ sung sẽ là một phần không thể tách rời của Hợp đồng này.

In case there is(are) new waste arising, two Parties would have additional agreement for the treatment option and price in a sepearate appendix. This appendix of supplementation and revision is an inseparable part of the Contract.

- 3.2 **Danh mục phế liệu và đơn giá thu mua:** Theo Phụ lục 01 kèm theo Hợp đồng này

List scrap and unit price purchase: According to the Appendix No. 01 attached

Trường hợp phát sinh phế liệu thu mua không nằm trong danh mục, hai Bên tiến hành thoả thuận bổ sung bằng việc ký kết phụ lục Hợp đồng. Phụ lục sửa đổi, bổ sung này sẽ là một phần không thể tách rời của Hợp đồng.

In case of waste purchasing is not in the list, two Parties will make additional agreement in a separate appendix. This appendix of supplementation and revision is an inseparable part of the Contract.

3.3 Định mức một số mặt hàng phế liệu theo khối lượng: Theo Phụ lục 01 kèm theo hợp đồng này

Item level waste by volume: According to the Appendix No. 01 attached

Điều 4: Phương thức thanh toán:

Article 4: Payment method

4.1 Đối với chất thải: Hai Bên sẽ lập biên bản giao nhận chất thải cho từng lần thu gom.

Two Parties shall make transfer volume report for each collection time.

(i) Ngày 25 hàng tháng, Bên B sẽ lập bảng tổng hợp khối lượng chất thải mỗi đơn vị thành viên của Bên A (bao gồm đơn giá và số lượng chất thải cụ thể) để các Bên đối chiếu, xác nhận làm cơ sở thanh toán.

On the 25th of the month, Party B will make a Table of total waste quantity of each subsidiaries of Party A (including unit price and actual volume) to compare, confirm and make base of payment.

(ii) Phương thức và thời gian thanh toán:

Số tiền thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH và công nghiệp sẽ được thanh toán vào ngày cuối cùng của tháng tiếp theo, sau khi nhận được các giấy tờ cần thiết (Hóa đơn GTGT, bảng tổng hợp khối lượng chất thải trong tháng và các chứng từ CTNH có liên quan)

Total fee for collect, transport and treating hazardous waste will be paid in the end of next months after all required docs received (invoice, table of total waste quantity, Hazardous waste document)

4.2 Đối với phế liệu Bên B thu mua của Bên A:

For purchasing scrap Party B of Party A:

(i) Chứng từ: Biên bản giao nhận phế liệu thu mua, hoá đơn tài chính Bên A xuất cho Bên B.

Documents: Handing Over Minutes for scrap purchasing, finance invoice that Party A issues to Party B.

(ii) Hình thức thanh toán: Bên B thanh toán bằng chuyển khoản vào số tài khoản theo chỉ định của Bên A chậm nhất 15 ngày sau khi nhận được biên bản nghiệm thu khối lượng phế liệu và hóa đơn tài chính hợp lệ.

Payment : Party B pays by bank transfer to Party A's bank account within 15 days after receiving the acceptance record of the scrap quantity and valid financial invoice.

ĐIỀU 5: Trách nhiệm của mỗi Bên.

Article 5: Responsibility of Party

5.1 Trách nhiệm của Bên A

Responsibility of Party A

- Hướng dẫn Bên B trong việc thu gom chất thải đúng nơi quy định và thuận tiện cho việc bốc xếp. Hỗ trợ xe nâng trong quá trình thu gom chất thải (với các gói hàng có khối lượng lớn) và cung cấp giấy tờ cần thiết cho Bên B khi ra vào cổng nhà máy;

Instruct Party B in collecting in regulated places and to pick up waste conveniently. Support fork lift during collecting waste in essential situation, and providing necessary document go in and out factory entrance;

- Đảm bảo thành phần chất thải đúng như đã thông báo cho Bên B, tuyệt đối không trộn lẫn các loại chất thải với nhau.
Make sure the components exactly as informed to Party B. Must not mix waste each other;
- Cử người hướng dẫn và xác nhận khối lượng chất thải vận chuyển và xử lý để làm cơ sở nghiệm thu khối lượng và thanh toán;
Assign representative to guide and make Transfer volume report of waste to make base of payment;
- Ký xác nhận và chuyển giao đầy đủ cho Bên B bộ chứng từ CTNH sau mỗi lần Bên B đến thu gom, vận chuyển CTNH theo đúng quy định của pháp luật hiện hành;
Confirm and transfer all hazardous waste documents to Party B after transport waste process in accordance with applicable law;
- Bên A có quyền kiểm tra, giám sát quá trình vận chuyển và cân đo khối lượng, quá trình xử lý và tái chế chất thải công nghiệp nguy hại và chất thải công nghiệp thông thường của mình, việc giám sát, kiểm tra này không làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất của Bên B;
Party A has right to check and observe the process of transferring, weighing and measuring of hazardous/non-hazardous waste. Party A makes sure the observation does not cause any adverse affects on Party B's activities;
- Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Bên B.
Payment in full and on time to Party B.

5.2 Trách nhiệm của Bên B

Responsibility of Party B

- Bốc xếp, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại đúng địa điểm và thời gian quy định, bảo đảm thời gian và chất lượng công việc; đảm bảo không rơi vãi, rò rỉ, gây ô nhiễm môi trường trong toàn bộ quá trình này;
Loading, transporting, storing and treating the waste in right place, on time and with guaranteed quality; ensuring no spillage, leakage, or environmental pollution during the entire process;
- Bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm sau khi đã nhận chất thải từ Bên A. Nếu có bất kỳ sự cố nào xảy ra (thất thoát, làm ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường) trong quá trình vận chuyển, lưu giữ, xử lý chất thải của Bên A thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm bằng chi phí của mình đứng ra giải quyết và xử lý với các bên liên quan;
Party B shall take full responsibility after hazardous waste handed over from Party A. If there are any incident occur (lost, effect hygienic environmental) during transporting process, handling, treating waste, Party B is fully responsible at its own expense to resolve and handle it with relevant parties.;
- Bên B chịu trách nhiệm chuẩn bị vật dụng lưu chứa rác thải sinh hoạt đạt tiêu chuẩn tại khu vực thu gom rác thải sinh hoạt của Bên A;
Party B shall take responsibility prepare garbage can to contain domestic waste in Party A storage. And ensure cleaning after collecting;
- Đảm bảo vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải theo đúng các qui định về xử lý chất thải và bảo vệ môi trường của Việt Nam;
Ensure that transportation, storage and treatment of waste in accordance with regulations of harmful waste treatment and environment protection of Vietnam;
- Thông tin đầy đủ cho Bên A các vấn đề phát sinh trong quá trình thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải;
If anything rises in the process of collection, transportation, treatment waste, Party B will inform Party A;

- Thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo quản lý chất thải,... đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền; thực hiện lưu giữ đầy đủ hồ sơ giấy tờ liên quan đến việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải theo quy định pháp luật;
Fully fulfill the responsibility of reporting on waste management,... to competent state authorities; to keep all documents related to waste collection, transportation and treatment in accordance with applicable law;
- Ký xác nhận và trả lại đầy đủ cho Bên A bộ chứng từ CTNH sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH theo đúng quy định của pháp luật hiện hành;
Confirm and transfer all hazardous waste documents to Party A after completion the treatment wastes process in accordance with applicable law;
- Xuất hóa đơn tài chính hợp lệ cho Bên A dựa theo bảng tổng hợp khối lượng chất thải;
Issue invoice to Party A basing on volume implemented monthly;
- Việc mua bán phế liệu tại công ty sẽ được thực hiện theo điều khoản EX Works (Các điều khoản thương mại quốc tế).
Party B will purchase recycled waste under EX Works - Incoterm
Issue invoice to Party A basing on volume implemented monthly.
- Đảm bảo nhân viên của Bên B tuân thủ các quy định an ninh trật tự tại nơi thực hiện công việc theo hướng dẫn của Bên A, chịu hoàn toàn mọi trách nhiệm về nhân viên do Bên B cử đến và trong thời gian thực hiện công việc tại Bên A. Trong quá trình thực hiện công việc, Bên B/ nhân viên Bên B không được gây ra bất kỳ ảnh hưởng nào đối với hoạt động sản xuất thông thường của Bên A, không được làm tổn hại đến tài sản, sức khỏe, tính mạng, v.v... của nhân sự Bên A hoặc Bên thứ ba
Ensure that Party B's employees comply with security and order regulations at the work site according to Party A's instructions, and take full responsibility for the employees sent by Party B and during the time they perform work at Party A. During the work process, Party B/Party B's employees must not cause any impact on Party A's normal production activities, and must not harm the property, health, life, etc. of Party A's employees or third parties.
- Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Bên A;
Payment in full and on time to Party A;
- Hàng tháng, Bên B tổng kết gửi báo cáo chứng minh quá trình xử lý rác thải sinh hoạt và nguy hại cho Bên A;
Party B shall make periodical report every month on treatment of both domestic and hazardous waste and report to Party A;
- Định kỳ 6 tháng một lần, Bên A đến Bên B để kiểm chứng các báo cáo và quy trình xử lý rác thải sinh hoạt và nguy hại, bao gồm cả việc kiểm tra nhà thầu phụ xử lý rác thải của Bên B (nếu có)
Party A come to audit Party B on the report content every 6 months on treatment of domestic and hazardous waste, this audit includes Party B's sub-Contractor (if any);
- Hàng năm, Bên A sẽ tiến hành xem xét lại việc thực hiện Hợp đồng này, trong đó có các nội dung về giá cả, chất lượng dịch vụ và mức độ tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ môi trường của Bên B (không giới hạn trong phạm vi chất thải phát sinh từ các công ty của Bên A, mà bao gồm cả các công ty không thuộc Bên A nhưng liên quan đến hợp đồng này). Khi Bên A yêu cầu Bên B cung cấp các tài liệu, hồ sơ để chứng minh việc tuân thủ, Bên B có trách nhiệm cung cấp trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ khi nhận được thông báo bằng văn bản của Bên A. Bất cứ hành vi vi phạm hoặc không tuân thủ của Bên B, Bên A được quyền xem xét, chấm dứt Hợp đồng này với Bên B.
Every year, Party A will review the implementation of this Contract, including the contents of price, service quality and compliance with environmental protection laws of Party B (not limited to the scope of waste generated from Party A's companies, but including companies not belonging

to Party A but including companies not belonging to Party A but related to this Contract). When Party A requests Party B to provide documents and records to prove compliance, Party B is responsible for providing them within 07 (seven) days from the date of receipt of written notice from Party A. In case of any violation or non-compliance by Party B, Party A has the right to review and terminate this Contract with Party B

Điều 6: Điều khoản chung.

Article 6: General Terms.

- 6.1 **Bảo mật:** Các giấy tờ, tài liệu, thông tin trao đổi giữa Bên A và Bên B được coi là thuộc sở hữu của các Bên và các Bên có trách nhiệm giữ bí mật và chỉ được tiết lộ cho bên thứ ba nếu được sự đồng ý trước bằng văn bản của phía Bên kia.

Confidentiality: All communications, information, materials, documents and Agreements between Party A and Party B are considered as mutual properties and supposed to be kept confidential unless that will be disclosed upon written pre-approval of the other Party hereto.

Trừ các vấn đề có liên quan đến bí quyết công nghệ hóa học, hai Bên cam kết trao đổi một cách công khai cho nhau các thông tin liên quan đến việc xử lý chất thải công nghiệp nguy hại.

Apart from matters related to chemical technology and know-how, two Parties pledge to discuss openly related information on industrial waste treatment.

- 6.2 Bất kỳ sự sửa đổi hay bổ sung nào đối với Hợp đồng này đều phải được lập thành văn bản với sự thỏa thuận giữa hai Bên và việc sửa đổi bổ sung đó là một phần không thể tách rời như là bản chính hay phụ lục bổ sung của hợp đồng này.

If having any change or supplement of Contract, document must be made with agreement of both Parties and that is an integral part of this Contract.

- 6.4 Hai Bên cần chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện hợp đồng, nếu có vấn đề phải quyết định các Bên phải kịp thời thông báo cho nhau và chủ động bàn bạc, giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo lợi ích của cả hai Bên. Trong trường hợp không giải quyết được bằng thương lượng, tranh chấp sẽ được đưa ra tòa án có thẩm quyền để giải quyết theo quy định pháp luật. Bất kỳ phán quyết nào của cơ quan Tòa án phù hợp với Điều này sẽ có hiệu lực bắt buộc thực hiện và các bên phải tuân thủ nghiêm túc nội dung phán quyết đó. Án phí do bên thua kiện chịu.

Two Parties need to inform to each other about rate of carrying out Contract, if anything rises, the 2 Parties must inform to each other and amicably discuss to find out the best solution. In case the dispute cannot be settled, it will be referred to and resolved by the competent Court . Any award of decision of the Court in accordance with this Article shall be binding and enforceable and the parties shall strictly comply with its terms. Costs shall be borne by the loser in the suit

- 6.5 **Tuân thủ:** Bên B cam kết tuyệt đối các quy định về an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ do Bên A đề ra. Bên B cũng phải đảm bảo trang bị bảo hộ lao động, kiến thức, kỹ năng... cho nhân viên của mình phục vụ cho quá trình bốc dỡ, xếp hàng (nếu có).

Compliance: Party B commits to strictly follow rules and regulation on security, safety, fire fighting regulated by Party A. Party B shall provide labor safety uniform to their workers, also equip & well train their workers with proper knowledge and skills for loading & unloading process (if any).

- 6.6 Bên B cam kết và đảm bảo rằng, Bên B hoàn toàn có đủ tư cách pháp nhân, và đầy đủ các giấy tờ pháp lý cần thiết liên quan đến khả năng và năng lực cung cấp dịch vụ cho Bên A theo quy định tại Hợp đồng này. Bên B sẽ tự chịu mọi trách nhiệm pháp lý, tài chính phát sinh trong trường hợp xảy ra sai sót liên quan đến tư cách pháp nhân, giấy phép, chấp thuận hoặc phê duyệt liên quan đến việc cung cấp dịch vụ theo Hợp đồng này.

Party B warrants and represents that Party B has fully sufficient legal status and other necessary legal documents to prove the ability of providing services to Party A under this

Contract. Party B undertake all arising legal and financial responsibilities if Party B fails to meet the requirements on its legal status, licences, permits or relevant approvals in connection to the performance of services to this Contract.

Điều 7: Phạt hợp đồng và bồi thường thiệt hại

Article 7: Performance Penalty

- 7.1 Trong quá trình thực hiện Hợp Đồng này, nếu Bên B không tuân thủ các quy định của Hợp Đồng hoặc các quy định quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp và CTNH làm cho Bên A bị các cơ quan có thẩm quyền xử phạt về bảo vệ môi trường thì sau khi nộp phạt vào ngân sách nhà nước xong, Bên A có quyền yêu cầu bên Bên B hoàn trả lại một phần hoặc toàn bộ số tiền phạt mà Bên A đã nộp vào ngân sách nhà nước và chịu phạt số tiền bằng 8% chi phí thu gom, vận chuyển, và xử lý áp dụng cho lô chất thải công nghiệp và CTNH bị xử phạt.

During performing this Contract, if Party B fails to comply with the provisions of the Contract or the regulations on the process of collection, transportation and treatment of industrial waste & hazardous waste, causing Party A to be sanctioned by competent authority on environmental protection, after paying the fine into the state budget, Party A has the right to request Party B to refund part or all of the fine amount that Party A has paid into the state budget, and bear a fine equal to 8% of the cost of collection, transportation and treatment applied to the sanctioned industrial waste & hazardous waste lot.

- 7.2 Bên B chịu trách nhiệm và có nghĩa vụ bồi thường cho Bên A các thiệt hại trực tiếp gây ra do lỗi của Bên B hoặc do lỗi của nhân viên của Bên B trong quá trình thực hiện Hợp Đồng này với mức bồi thường tối đa bằng chi phí mà Bên A phải trả cho Bên liên quan đến việc thu gom, vận chuyển và xử lý khắc phục lô chất thải công nghiệp và CTNH liên quan đến vi phạm của Bên B. Ngoài ra, Bên A có thể áp dụng phạt hợp đồng đối với Bên B với mức tiền phạt bằng 8% chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý cho lô chất thải công nghiệp và CTNH liên quan đến vi phạm của Bên B. Trong thời hạn Bên A yêu cầu, nếu Bên B trì hoãn, chậm hoặc không thanh toán đầy đủ các khoản tiền này thì Bên B phải chịu lãi suất chậm trả cho khoản tiền chưa thanh toán với mức lãi suất bằng 20%/năm

Party B is responsible and obligated to compensate Party A for direct damages caused by Party B's fault or by Party B's employees' fault during the implementation of this Contract with the maximum compensation equal to the cost that Party A must pay to the Party related to the collection, transportation and treatment of the industrial waste & hazardous waste batch related to Party B's violation. In addition, Party A may impose a contractual penalty on Party B with a penalty equal to 8% of the cost of collection, transportation and treatment of the industrial waste & hazardous waste batch related to Party B's violation. Within the time limit required by Party A, if Party B delays, is late or fails to fully pay these amounts, Party B shall bear late payment interest on the unpaid amount at the rate of 20%/year.

- 7.3 Nếu Bên A vi phạm Hợp Đồng, thì sẽ phải bồi thường cho Bên B các thiệt hại và tổn thất theo quy định pháp luật.

If Party A breaches the Contract, Party A shall compensate Party B for damages and losses in accordance with the law.

- 7.4 Để đảm bảo chất lượng dịch vụ và việc tuân thủ quy định của bên B, bên A sẽ áp dụng chế tài phạt đối với các lỗi vi phạm của bên B theo phụ lục 02 kèm theo hợp đồng này: (Mức phạt được quy định cụ thể với từng lỗi và không bao gồm chi phí bồi thường đối với việc thiệt hại tài sản (mát mát, hư hỏng...), cũng như các chi phí phát sinh liên quan khác do lỗi từ bên B)

In order to ensure the quality of service and compliance with the regulations of Party B, Party A will apply a penalty for Party B's violations according to Appendix 02 attached to this contract: specific to each fault and does not include compensation costs for property damage (cooling, damage, etc.), as well as other related expenses incurred due to party B's fault.

Điều 8 : Luật áp dụng và giải quyết tranh chấp

Article 8 : Governing law and dispute settlement

- 8.1 Hợp đồng này sẽ được giải thích và điều chỉnh theo pháp luật Việt Nam.
This Contract will be explained and adjusted according to Vietnamese law.
- 8.2 Các Bên cam kết nỗ lực tối đa để giải quyết mọi vấn đề, tranh chấp, bất đồng, mâu thuẫn hoặc khiếu nại ("**Tranh chấp**") phát sinh từ hoặc liên quan đến hợp đồng này một cách thiện chí thông qua thương lượng. Trong trường hợp một Bên xét thấy Tranh chấp không thể giải quyết được thông qua thương lượng dù đã nỗ lực ở mức cao nhất có thể, các Bên đồng ý không hủy ngang rằng Tranh chấp đó sẽ được đưa ra giải quyết bởi Tòa án có thẩm quyền tại Hà Nội. Bất kỳ phán quyết nào của cơ quan Tòa án phù hợp với Điều này sẽ có hiệu lực bắt buộc thực hiện và các Bên phải tuân thủ nghiêm túc nội dung phán quyết đó. Án phí do Bên thua kiện chịu.
*The Parties shall use their best efforts to settle amicably through negotiations any question, dispute, controversy, difference or claim ("**Dispute**") arising out of or relating to this Agreement. If notwithstanding such best efforts, any Party considers at any time that a Dispute exists which is not possible to be settled amicably through negotiation, each of the Parties hereby irrevocably agrees that such Dispute shall be referred to and resolved by the competent Court in Hanoi. Any award of decision of the Court in accordance with this Article shall be binding and enforceable and the Parties shall strictly comply with its terms. Costs shall be borne by the loser in the suit.*

Điều 9: Cam kết thúc đẩy đạo đức kinh doanh

Article 9: Commitment on promoting business code of conduct

- 9.1 Bên B cam kết đã đọc kỹ và hiểu rõ mục tiêu xây dựng Đạo đức kinh doanh trong bản "Thỏa thuận giao dịch thương mại minh bạch" mà hai Bên đã ký. Trên tinh thần đó, Bên B xác nhận trước, trong và sau quá trình giao kết, thực hiện Hợp đồng này sẽ không trực tiếp hay gián tiếp hứa hẹn, thực hiện hoặc ủy quyền thực hiện đưa tiền, quà tặng, hoặc bất cứ thứ gì có giá trị cho bất kỳ nhân viên nào của Bên A (trừ trường hợp là những vật phẩm có ý nghĩa lưu niệm như: sách, bút, lịch, kỷ niệm chương v.v có gắn logo của Bên B). Bên B sẽ ngay lập tức thông báo cho Bên A biết nếu có nhân viên nào yêu cầu, gây sách nhiễu nhằm được trả tiền, quà tặng hoặc dưới bất cứ hình thức gì khác.

Party B commits to carefully read and clearly understand objectives on building Business Ethics stated in "Clean Business Dealing Agreement" signed by the Parties. Accordingly, Party B commits before, during and after the performance of this Contract, not to directly or indirectly promise, perform or authorize to give money, gift, or any value things for any of Party A's employees (except from souvenir: book, pen, calendar, trophy, etc. with Party B's logo). Party B shall immediately inform Party A if there is any employee who request or make trouble to receive money or gift in any manner.

- 9.2 Khi có bất cứ căn cứ, dấu hiệu nào về việc nhân viên Bên A nhận tiền, quà tặng hoặc thứ gì có giá trị từ Bên B, Bên A có quyền tạm ngưng Hợp đồng và đề nghị Bên B cung cấp các dữ liệu, thông tin liên quan để xác minh.

In case of any sign that Party A's employee receives money, gift or any value things from Party B, Party A shall be entitled to suspend the Contract and request Party B to provide relating data, information for inspection.

- 9.3 Trường hợp Bên B vi phạm quy định tại điều này, Bên A có quyền, tại bất kỳ thời điểm nào, áp dụng một hoặc đồng thời một số biện pháp sau:

In case Party B breaches this Article, Party A shall be entitled to, in any time, apply one or some of the following methods:

- Hủy bỏ tất cả các phê duyệt, chấp thuận, sự cho phép, lợi ích Bên B có được thông qua Bên A đối với những vấn đề ký kết và thực hiện Hợp đồng này; và/ hoặc
- *Cancelling all approvals, allowance, benefits that Party B obtained through Party A regarding to matters of signing and performing this Contract; and/ or*
- Chấm dứt Hợp đồng với Bên B ngay lập tức mà không phải chịu bất cứ một khoản phạt hay bồi thường nào. Ngoài ra, Bên B có trách nhiệm bồi thường cho Bên A mọi thiệt hại phát sinh (nếu có) do việc chấm dứt Hợp đồng; và/ hoặc
- *Immediately terminating this Contract without bearing any penalties, compensation. Furthermore, Party B shall be responsible for compensating to Party A all damages arised (if any) due to termination of this Contract; and/ or*
- Chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền điều tra về vi phạm pháp luật hình sự (nếu có).
Transferring documents to competent authorities for investigation of criminal violation (if any).

Điều 10: Bất khả kháng

Article 10: Force majeures

- 10.1 Các bên sẽ không chịu bất cứ trách nhiệm nào trong các trường hợp bất khả kháng sau: thiên tai (hỏa hạn, lũ lụt, động đất, bão và các thảm họa thiên tai khác), dịch bệnh, chiến tranh, xâm lược, nội chiến, quốc hữu hóa, cấm vận hay là việc bị khóa hoặc cắt đột ngột các thiết bị điện hoặc điện thoại. Ngoài ra các trường hợp như đình công, thiếu hụt nhân công hay thiếu hụt các nguồn cung cấp vật liệu không được xem là các sự kiện bất khả kháng.

Each party is not liable for failure to perform the party's obligations if such failure is as a result of Acts of God (including fire, flood, earthquake, storm or other natural disaster), epidemic, war, invasion, civil war, government sanction, blockage, embargo, lockout or interruption or failure of electricity or telephone service. Those foreseeable events such as labor dispute, lacking of labor or problem in searching resource are not consider as force majeure.

- 10.2 Việc một Bên không thể thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều này sẽ không được xem là vi phạm hợp đồng hoặc có lỗi do hợp đồng không thể thực hiện được phát sinh từ một sự kiện Bất khả kháng, với điều kiện là bên bị ảnh hưởng đã thực hiện các biện pháp phòng ngừa hợp lý, bằng trách nhiệm cẩn trọng và có các phương án thay thế hợp lý nhằm mục tiêu thực hiện các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng này.

The failure of a Party to fulfill any of its obligations hereunder shall not be considered to be a breach of, or default under, this Contract insofar as such inability arises from an event of Force Majeure, provided that the Party effected by such an event has taken all reasonable precautions, due care and reasonable alternative measures, all with the objective of carrying out the terms and conditions of this Contract.

- 10.3 Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất khả kháng sẽ gửi thông báo cho Bên còn lại về sự kiện đó trong thời gian sớm nhất có thể, và trong bất kỳ trường hợp nào không được muộn hơn bảy (07) ngày sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, cung cấp bằng chứng về bản chất và nguyên nhân của sự kiện đó, và tương tự đó gửi thông báo bằng văn bản về việc khắc phục càng sớm càng tốt. Tuy nhiên, nếu việc thực hiện Hợp đồng này bị ngưng trệ hoàn toàn trong thời gian một (1) tháng mặc dù các Bên đã áp dụng các hành động theo quy định tại Điều 10.2 nêu trên, mỗi Bên có thể chấm dứt Hợp đồng này bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho bên còn lại và có hiệu lực ngay lập tức. Trong trường hợp này, các Bên chỉ có trách nhiệm thanh toán khoản tiền tương ứng với giá trị công việc đã được hoàn thành đến thời điểm xảy ra sự kiện bất khả kháng.

The Party effected by an event of Force Majeure shall notify the other Party of such event as soon as possible, and in any case not later than seven (07) days following the occurrence of such event, providing evidence of the nature and cause of such event, and shall similarly give written notice of the restoration of normal conditions as soon as possible. However, If the performance of this Contract is wholly suspended for a period of one (1) month and the Parties have taken actions as prescribed in Article 10.2 of this Contract, each the Party may terminate

this Contract by providing the other party with written notice of immediate effect. In such case, Parties shall be responsible for paying the cost corresponding to the value of completed work and counted to the time that the Force Majeure occurred.

Điều 11: Hiệu lực và chấm hợp đồng.

Article 11: Validity and termination of the Contract

11.1 Hợp đồng có hiệu lực 03 năm kể từ ngày 16 tháng 04 năm 2025

The Contract takes effect 03 years from Apr 16th 2025

11.2 Bên A có quyền chấm dứt hợp đồng khi phát hiện thấy Bên B vi phạm các quy định của hợp đồng này và của pháp luật Việt Nam về bảo vệ môi trường mà không cần báo trước và yêu cầu bồi thường thiệt hại phát sinh (nếu có).

Party A is entitled to terminate the Contract, if it is found that Party B breaches its obligation in the Contract or breach Vietnamese regulations on environment protection, without prior notice and claim for damages (if any).

11.3 Trong trường hợp một trong hai Bên muốn đơn phương chấm dứt hợp đồng thì phải thông báo bằng văn bản cho Bên kia trước 30 ngày và thực hiện đầy đủ các thủ tục thanh lý hợp đồng.

In case one of two sides want to unilaterally terminate the Contract, it shall notify to the other in writing before 30 days and fully respond on doing liquidate the Contract.

11.4 Hợp đồng này chỉ có giá trị đối với Bên A và Bên B, không có giá trị đối với bất kỳ một Bên thứ ba nào khác.

This Contract is valid to the above 02 Parties only, not valid to the third Party

Điều 12: Điều khoản khác

Article 12: Other conditions

12.1 Notice/ Thông báo:

Tất cả các thông báo, yêu cầu, khiếu nại hay thư từ được đề cập trong Hợp đồng này sẽ được coi là được thực hiện một cách hợp pháp nếu được lập bằng văn bản tiếng Việt và/ hoặc tiếng Anh và được gửi cho đại diện mỗi Bên hoặc những nhân viên được các đại diện chỉ định tới địa chỉ của mỗi Bên hoặc các hình thức thư điện tử.

All the notices, requests, claim or correspondence referred to in this Contract shall be deemed to be legally made if they are in writing in the English and/ or Vietnamese languages and sent to the representative or assigned persons to the address of the other Party or through electronic mails.

12.2 Tính toàn vẹn, Sửa đổi và Thay đổi Hợp đồng/ *Entire Contract, Amendment and Alterations:*

(i) Hợp đồng này, Báo giá và Phụ lục (nếu có) bao gồm toàn bộ thỏa thuận giữa các Bên liên quan đến các điều khoản và điều kiện được quy định tại Hợp đồng này và thay thế tất cả các cam đoan, bảo đảm, cam kết, các thỏa thuận, bản ghi nhớ đã lập trước đó (nếu có), bằng miệng hay bằng văn bản, giữa hai Bên liên quan đến điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này.

This Contract, Quotation and Appendix (if any) comprise the entire agreements between the Parties concerning the terms and conditions as stipulated herein and supersedes all previous representations, warranties, undertakings, agreements, memorandums (if any) whether oral or in written, between the Parties in relation to the term and conditions of this Contract.

(ii) Sau khi Hợp đồng được ký hết, bất kỳ thay đổi, sửa đổi và điều chỉnh nào có liên quan đến các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, sẽ chỉ có hiệu lực khi được lập bằng văn bản và được ký bởi người đại diện có thẩm quyền của hai Bên và được xem như Phụ lục của Hợp đồng này, có hiệu lực thì hành đầy đủ.

After executing the signing of the Contract, any variations, modifications and alterations to the terms and conditions of this Contract shall come into force only by mutual agreement in writing, duly signed by authorized representatives of both Parties, and said the agreement shall be stipulated in the Appendix to the Contract, which shall be in full force and effect, and shall be read and constructed as enforceable.

12.3 Số bản và Ngôn ngữ/ Number of copy and Language:

Hợp đồng này được lập thành 02 (hai) bản gốc bằng song ngữ (tiếng Việt và tiếng Anh). Mỗi Bên giữ 01 (một) bản gốc có giá trị pháp lý như nhau để thực hiện. Trường hợp có mâu thuẫn giữa nội dung tiếng Việt và nội dung tiếng Anh, thì nội dung tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng. *This Contract is made into 02 (two) originals in bilingual (Vietnamese and English). Each Party shall keep 01 (one) original with equal validity thereof. In case of any inconsistency between the Vietnamese and the English, the Vietnamese shall prevail*



GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH
Takehiro Uwahara

ĐẠI DIỆN BÊN B
ON BEHALF OF PARTY B



TỔNG GIÁM ĐỐC
VŨ VĂN CƯỜNG

PHỤ LỤC 01

APPENDIX 01

**Nội dung: Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại
và thu mua phế liệu tái chế**

content of hazardous waste collection, transportation, treatment and purchasing recycled waste

(Được đính kèm và là một phần không tách rời của Hợp đồng Thu gom và Xử lý Chất thải công nghiệp số 16-04/2025/PAPVN-NSX ngày 16/04/2025

/ Attached and an integral part of Contract on Industrial waste collection and treatment

No 16-04/2025/PAPVN-NSX dated 16/04/2025

Phụ lục 01 này (“Phụ lục”) được lập bởi và giữa Các Bên vào ngày 16 tháng 04 năm 2025, thống nhất các nội dung sau:

This Appendix 01 (“Appendix”) is established by and between the Parties on 16/04/2025 agreeing the following:

1. Đơn giá thu mua phế liệu/ Scraps purchasing

STT No	DANH MỤC/List	ĐVT Unit	ĐƠN GIÁ Unit price (VNĐ)	Ghi chú
1	Cao su/ Rubber	Kg	2,000	
2	Carton, giấy VP (carton)	Kg	3,000	
3	Dây điện - Electric cable (lõi đồng)	Kg	35,000	
4	Dây điện lõi nhôm/Electric wire with aluminum core	Kg	10,000	
5	Dây điện nhỏ loại 1	Kg	21,000	
6	Dây điện từ tủ lạnh (Electric wire from cabinet)	Kg	25,000	
7	Đồng sạch (Copper)	Kg	122,000	
8	Đồng từ tủ lạnh (Copper from fridge)	Kg	113,000	
9	Đồng vụn (copper scraps)	Kg	122,000	
10	Gang (Cast iron)	Kg	3,000	
11	Gỗ (Wood)	Kg	400	
12	Inox (stainless steel)	Kg	11,000	
13	Lốc tủ lạnh hỏng (Compressor NG)	Kg	16,000	
14	Mô tơ, bộ ly hợp/ motor, mechacase	Kg	8,500	
15	Nhôm từ tủ lạnh (Steel from fridge)	Kg	38,000	
16	Nhôm (Aluminum)	Kg	35,000	
17	Nhựa ABS từ tủ lạnh (ABS plastic from fridge)	Kg	15,000	
18	Nhựa ABS/ ABS plastic	Kg	14,500	
19	Nhựa cục/ Purge plastic	Kg	4,000	
20	Nhựa dây đai (plastic from band)	Kg	3,000	
21	Nhựa dẻo (PVC plastic)	Kg	6,500	
22	Nhựa GPPS	Kg	3,000	
23	Nhựa HIPS (HIPS plastic)	Kg	12,500	
24	Nhựa HIPS từ tủ lạnh (HIPS from fridge)	Kg	12,000	

25	Nhựa khác/ Other plastic	Kg	8,500	
26	Nhựa lẫn	Kg	1,500	
27	Nhựa Pallet (pallet plastic)	Kg	5,000	
28	Nhựa pallet màu đen	Kg	5,000	
29	Nhựa PET (PET plastic)	Kg	9,000	
30	Nhựa PP màu (color PP plastic)	Kg	4,500	
31	Nhựa PP trắng (white PP Plastic)	Kg	13,500	
32	Nhựa PPGF (phát sinh từ lồng giặt) PPGF plastic	Kg	3,000	
33	Nhựa tái chế (Plastic recycle)	Kg	1,000	
34	Nilon màu (color nylon)	Kg	3,500	
35	Nilon trắng (white nylon)	Kg	9,500	
36	Nylon (nylon trắng: 50%, other: 50%)	Kg	6,500	
37	Phế liệu đồng loại 1(Đồng 58%, bạc (9.2kg/tấn)/ STAINLESS STEEL TYPE 2 (58% Cu)	Kg	155,000	
38	Phế liệu đồng loại 2 (Đồng 54%, bạc (10.5kg/tấn)/ SCRAP GMT (54% Cu)	Kg	150,000	
39	Phế liệu đồng loại 3 (Đồng 89%)/ COPPER SCRAP (89% Cu)	Kg	100,000	
40	Phế liệu đồng loại 4 (Đồng 63%)/ NICKEL COPPER CATE (63% Cu)	Kg	75,000	
41	Phế liệu đồng loại 5 (70% Đồng)/ SCRAP RING (70% Cu)	Kg	78,000	
42	Phế liệu thiếc loại 1/ Solder waste class 1 (0%Ag)	Kg	315,000	
43	Phế liệu thiếc loại 1/ Solder waste class 1 (0.3%Ag)	Kg	360,000	
44	Phế liệu thiếc loại 1/ Waste solder class 1 (3%Ag)	Kg	550,000	
45	Phế liệu thiếc loại 2/ Waste solder class2 (0%Ag)	Kg	250,000	
46	Phế liệu thiếc loại 2/ Waste solder class2 (0.3%Ag)	Kg	300,000	
47	Phế liệu thiếc loại 2/ Waste solder class2 (3%Ag)	Kg	450,000	
48	Sắt thép vụn (Iron)	Kg	6,900	
49	Sắt thép vụn từ tủ lạnh (Steel from fridge)	Kg	6,800	
50	Thùng phi 200 lít (Drum 200L)	Kg	6,100	
51	Tôn tấm (Iron Plate)	Kg	6,800	
52	Tôn tấm vụn từ tủ lạnh (Steel from fridge)	Kg	6,800	
53	Xi kềm 100%(Zinc slag)	Kg	16,500	
54	Xốp (Foam Soft)	Kg	8,500	

Đơn giá trên là đơn giá Ngôi Sao Xanh thanh toán cho Quý công ty, đơn giá chưa bao gồm thuế VAT/
Ngôi Sao Xanh pays for your company by the above price, not excluded VAT.

2. Đơn giá xử lý chất thải / Treatment price

STT/ No	DANH MỤC/ Waste items	ĐVT/ Unit	Mã CTNH/ Hazadous waste Code	Đơn giá/ Unit price (VND)	Phương pháp xử lý/ Treatment method
1	Ắc quy thải	Kg	19 06 01	4,500	Tháo dỡ- Nghiền -TC
2	Axit Sunfuric thải	Kg	02 01 01	4,000	XLNT (Hoá lý- Lọc RO) Physico- chemical-RO filter
3	Bản mạch có linh kiện (borad with component)	Kg	19 02 06	800	Phân tách – Nghiền - Tái chế - Thiêu đốt/ Demolition - Recycling - Incineration
4	Bản mạch không gắn linh kiện (borad w/o component)	Kg	19 02 06	800	Phân tách – Nghiền - Tái chế - Thiêu đốt/ Demolition - Recycling - Incineration
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại (Hard waste packaging with metal)	Kg	18 01 02	3,000	Tẩy rửa – Tái chế/ Cleaning - Recycling
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa (Hard waste packaging with plastic)	Kg	18 01 03	2,600	Tẩy rửa – Tái chế/ Cleaning - Recycling
7	Bê tông (từ máy giặt lồng ngang	Kg		3,000	San lấp/ Leveling
8	Bóng đèn huỳnh quang (fluorescent)	Kg	16 01 06	4,500	Nghiền - Hóa rắn
9	Bông thủy tinh (Glass wool)	Kg	19 11 03	4,000	Thiêu đốt/Hóa rắn
10	Bùn thải lỏng từ bể phốt (Waste sludge)	Kg		800	Hóa lý Physico- chemical
11	Bùn thải từ hệ thống xử lý (Sludge fromt treatment system)	Kg	12 06 05	2,800	Hóa rắn/ Solidification
12	Các hợp chất CFC, HCFC, HFC thải (Chlorofluorocarbons HCFC, HFC) (PAPVN)	Kg	17 08 01	180,000	Xử lý tại hệ thống xử lý khí ép Gas
13	Các hợp chất Isoxyanat	Kg	08 04 01	3,500	Thiêu đốt phát điện
14	Các loại axit thải khác	Kg	02 01 06	4,000	XLNT (Hoá lý- Lọc RO) Physico- chemical-RO filter
15	Cặn sơn thải (Waste paint)	Kg	08 01 01	3,100	Thiêu đốt phát điện Incineration
16	Chất thải sinh hoạt (domestic waste)	Kg		2,300	Thiêu đốt phát điện Incineration

17	Chất thải sinh hoạt (domestic waste)	M3		180,000	Thiêu đốt phát điện Incineration
18	Chất thải sinh hoạt hữu cơ	M3		180,000	Thiêu đốt phát điện Incineration
19	Chất thải sinh hoạt hữu cơ	Kg		2,300	Thiêu đốt phát điện Incineration
20	Chất thải sinh hoạt vô cơ	Kg		2,300	Thiêu đốt phát điện Incineration
21	Chất thải sinh hoạt vô cơ	M3		180,000	Thiêu đốt phát điện Incineration
22	Dầu lốc thải (Waste oil)	Kg	17 02 03	1,500	Thiêu đốt phát điện Incineration
23	Dầu máy thải (waste oil)	Kg	17 02 03	1,000	Thiêu đốt phát điện Incineration
24	Dầu thủy lực tổng hợp thải	Kg	17 01 06	1,500	TC/XLNT
25	Dung dịch kiềm thải	Kg	07 01 03	3,500	XLNT (Hoá lý- Lọc RO) Physico- chemical-RO filter
26	Dung dịch oxy hóa thải	Kg	19 09 04	3,100	Thiêu đốt phát điện Incineration
27	Dung dịch Pemaganat	Kg	19 09 01	3,500	XLNT (Hoá lý- Lọc RO) Physico- chemical-RO filter
28	Giẻ lau dính dầu (duster with hazardous constituents)	Kg	18 02 01	2,500	Thiêu đốt phát điện Incineration
29	Giẻ lau dính hóa chất (Cloth, glove, mask)	Kg	18 02 01	3,200	Thiêu đốt phát điện Incineration
30	Giẻ lau dính urethane (duster with urethan)	Kg	18 02 01	3,800	Thiêu đốt phát điện Incineration
31	Hóa chất thải phòng thí nghiệm có TPNH/Chemical and mixture chemical in lab	Kg	19 05 02	3,400	XLNT (Hoá lý- Lọc RO) Physico- chemical-RO filter
32	Hóa chất Vô cơ có thành phần nguy hại	Kg	19 05 03	4,000	Thiêu đốt phát điện Incineration
33	Hóa hữu cơ có thành phần nguy hại (Organic chemical have hazardous components)	Kg	19 05 04	2,200	Thiêu đốt phát điện Incineration
34	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại (cartridge)	Kg	08 02 04	3,800	Thiêu đốt phát điện Incineration

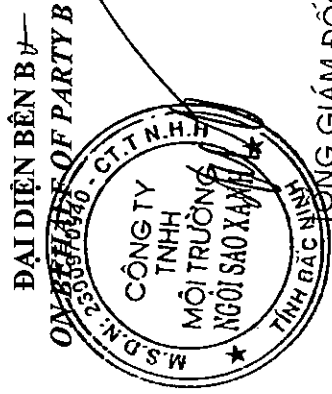
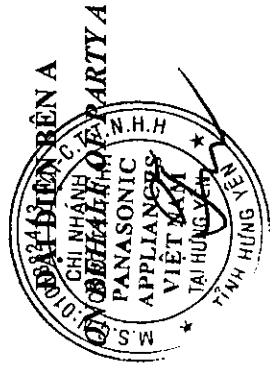
35	Hộp sơn (painting box)	Kg	18 01 02	3,100	Tẩy rửa/Súc rửa-TC
36	Kính thải (rác công nghiệp)	Kg		2,500	Thiêu đốt/ Hóa rắnIncineration
37	Kính thải từ tủ lạnh (Glass from fridge)	Kg		2,500	Thiêu đốt/ Hóa rắnIncineration
38	Linh kiện thiết bị điện tử (electric equipment)	Kg	19 02 06	2,800	Phân tách-Nghiên -TC
39	Mỡ thải	Kg	07 03 06	3,000	Thiêu đốt phát điện Incineration
40	Mực in có thành phần nguy hại (ink)	Kg	08 02 01	3,800	Thiêu đốt phát điện Incineration
41	Muối và dung dịch muối	Kg	02 03 02	2,400	XLNT (Hoá lý-Lọc RO) Physico-chemical-RO filter
42	Nhựa chét (Plastic waste)	Kg		3,100	Thiêu đốt phát điện Incineration
43	Nước lẫn dầu (water with oil)	Kg	05 01 02	2,500	XLNT (Hoá lý-Lọc RO) Physico-chemical-RO filter
44	Nước thải có thành phần nguy hại (Waste water have hazardous component)	Kg	19 10 01	3,400	XLNT (Hoá lý-Lọc RO) Physico-chemical-RO filter
45	Pin thải	Kg	16 01 12	4,500	Phá dỡ - TC - TĐ
46	Rác thải công nghiệp, rác khác (industrial waste)	Kg		2,000	Thiêu đốt phát điệnIncineration
47	Rác thải y tế	Kg	13 01 01	14,000	Thiêu đốt phát điệnIncineration
48	Sơn thải (waste paint)	Kg	08 01 01	3,800	Thiêu đốt phát điện
49	Than hoạt tính	Kg		2,000	Thiêu đốt phát điện/ Incineration
50	Thùng phuy các loại (drum)	Kg	18 01 02	950	Tẩy rửa – Tái chế
51	Urethan từ tủ lạnh (Urethane from fridge)	Kg		3,200	Thiêu đốt phát điện Incineration
52	Urethane	Kg		3,100	Thiêu đốt phát điện Incineration

- Đơn giá trên là đơn giá Bên A thanh toán cho Bên B giá chưa bao gồm thuế VAT/ Your company pays for GreenStar by the above price This price excluded VAT
- Bên B sẽ mua lại các thùng phuy sạch 200 lít sau xử lý./ Party B will buy clean Drums 200 liter after treatment.

3. Hai bên đồng ý định mức một số mặt hàng phế liệu theo khối lượng chi tiết như sau:

Both parties agree to some kind of item level waste by volume details are as follows:

STT/ No.	DANH MỤC/ items	Số lượng (Chiếc)	Đơn vị /Unit	Standard 520	Standard 554	Standard 640	Lồng ngang	Standard 600
I. Phế liệu/ Scrap								
1	Nhựa PP trắng (Nhựa trắng)/white PP plastic	1	Kg	12.0	12.0	15.0	15.0	15.0
2	Nhựa PP màu/color PP plastic	1	Kg	5.0	3.5	3.5	4.5	3.5
3	Nhựa ABS/ABS plastic	1	Kg	2.0	4.5	6.5	6.5	6.5
4	Sắt thép/ Iron	1	Kg	7.0	8.0	9.5	14.8	9.5
5	Inox/ Stainless steel	1	Kg	1.5	1.5	2.0	6.5	2.0
6	Dây điện đồng/copper electric wire	1	Kg	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0
7	Mô tơ, Bộ ly hợp/motor mechacase	1	Kg	6.3	6.7	7.0	5.5	7.0
II. Chất thải/ Treatment waste								
1	Bản mạch có linh kiện/ Board with component	1	Kg	0.5	0.5	1.0	1.0	1.0
2	Chất thải công nghiệp/ Industrial waste	1	Kg	0.5	1.0	1.0	15.7	1.0



GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH

This CO007553 has been electronically approved by *[Signature]* on 28/04/2025 01:56:13 PM

VŨ VĂN CƯỜNG

PHỤ LỤC 02

APPENDIX 02

**Nội dung: Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại
và thu mua phế liệu tái chế**

(Được đính kèm và là một phần không tách rời của Hợp đồng Thu gom và Xử lý Chất thải công nghiệp
số 16-04/2025/PAPVN-NSX ngày 16/04/2025

/Attached and an integral part of Contract on Industrial waste collection and treatment

No 16-04/2025/PAPVN-NSX dated 16/04/2025

Phụ lục 02 này (“**Phụ lục**”) được lập bởi và giữa Các Bên vào ngày 16 tháng 04 năm 2025, thống nhất các nội dung sau:

Để đảm bảo chất lượng dịch vụ và việc tuân thủ quy định của bên B, bên A sẽ áp dụng chế tài phạt đối với các lỗi vi phạm của bên B như sau: (Mức phạt được quy định cụ thể với từng lỗi và không bao gồm chi phí bồi thường đối với việc thiệt hại tài sản (mất mát, hư hỏng...), cũng như các chi phí phát sinh liên quan khác do lỗi từ bên B)

STT	Hạng mục	Quy định	Mức xử phạt/ 1 lần vi phạm
1	Yêu cầu chung	Tuyệt đối tuân thủ các quy định chung của PAPVN.	200.000 VND
		Tuân thủ mọi sự điều động của khách hàng trong phạm vi hợp đồng.	200.000 VND
		Giữ gìn trật tự, vệ sinh chung.	100.000 VND
		Hút thuốc lá đúng vị trí quy định	500.000 VND
2	Yêu cầu về trang phục, diện mạo	Mặc đồng phục của NCC, trang phục, đầu tóc chỉnh tề, gọn gàng.	100.000 VND
		Đeo thẻ được cấp phát trong suốt thời gian làm việc tại PAPVN.	100.000 VND
3	Các Yêu cầu về tác phong, thái độ làm việc	Giữ thái độ hòa nhã, lịch sự, nghiêm chỉnh, chuyên nghiệp trong suốt thời gian phục vụ tại PAPVN	100.000 VND
		Giữ 5S tốt các vị trí làm việc: Không để công cụ dụng cụ bừa bãi	100.000 VND
		Không tháo giày, gác chân lên bàn, ghế..., không sử dụng điện thoại di động, tai nghe, nằm lên bàn, ngủ gật, khạc nhổ bừa bãi....	200.000 VND

		Chỉ được ăn uống tại canteen, tuyệt đối không mang đồ ăn, thức uống vào các vị trí khác trong nhà máy	200.000 VND
4	Các yêu cầu về nhiệm vụ chốt	Tuyệt đối không gây phiền hà, trở ngại cho cán bộ công nhân viên Bên A làm việc hoặc khách hàng của Bên A.	200.000 VND
		Hành vi không nghiêm túc, lơ là, chây lười, gian lận...	500.000 VND
		Tuyệt đối không tiếp tay cho các hành động gian lận, sai quy định.	500.000 VND
5	Quy định khác	Không sử dụng đồ uống có cồn, chất kích thích trong thời gian làm việc tại PAPVN	500.000 VND
		Tuyệt đối không chơi cờ bạc dưới mọi hình thức	500.000 VND
		Không gây gỗ đánh nhau hoặc tiếp tay cho các hành động tương tự	500.000 VND

❖ **Lưu ý: Trường hợp gây thất thoát tài sản của Bên A:**

Trường hợp gây thất thoát, hỏng hóc/ làm mất tài sản của bên A bao gồm nhưng không giới hạn dụng cụ, trang thiết bị, giấy tờ trong phạm vi bảo vệ của bên B hoặc do lỗi của Bên B (lỗi cố ý và lỗi vô ý), Bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường 100% giá trị thiệt hại và thanh toán bằng tiền mặt cho Bên A. Trường hợp Bên B có thể chứng minh lỗi không phải do Bên B bằng bằng chứng khách quan, Bên B sẽ không phải chịu các chi phí đó nữa.

Việc bồi thường của Bên B cho những mất mát, thiệt hại và tổn thất về tài sản của Bên A phải được thực hiện trong vòng 15 ngày kể từ ngày có kết luận xác định nguyên nhân và các trách nhiệm liên quan căn cứ vào Biên bản kết luận hoặc Biên bản điều tra của công an các cấp.

2.1 Quy trình phạt

Các bước tiến hành phạt bên B:

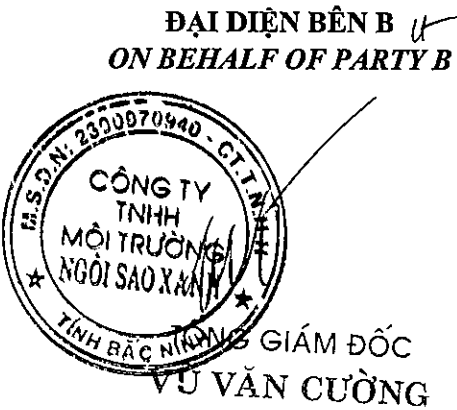
- *Bước 1:* Phát hiện và xác định lỗi
- *Bước 2:* Ghi nhận bằng chứng vi phạm bằng hình ảnh
- *Bước 3:* Lập Biên bản xác nhận sự việc dưới sự chứng kiến và xác nhận của hai bên
- *Bước 4:* Trong trường hợp bên B mắc các lỗi liên quan đến chất lượng dịch vụ, bên B báo cáo về nguyên nhân và giải pháp khắc phục lỗi.
- *Bước 5:* Bên A lập Quyết định xử phạt ghi rõ số tiền phạt. Hai bên kí xác nhận.

Tổng tiền phạt sẽ bị trừ vào tổng số tiền bên A phải thanh toán cho bên B trong kỳ thanh toán.

Thời gian tính định kỳ số lần vi phạm: Số lần vi phạm được tính trên khoảng thời gian 1 tháng theo lịch làm việc.



GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH
Takehiro Uwahara



PHỤ LỤC 03
APPENDIX 03

CAM KẾT TUÂN THỦ AN TOÀN LAO ĐỘNG
COMMITMENT TO COMPLIANCE WITH OCCUPATIONAL SAFETY STANDARDS

(Được đính kèm và là một phần không tách rời của Hợp đồng Thu gom và Xử lý Chất thải công nghiệp số 16-04/2025/PAPVN-NSX ngày 16/04/2025

/ Attached and an integral part of Contract on Industrial waste collection and treatment

No 16-04/2025/PAPVN-NSX dated 16/04/2025

Phụ lục 03 này ("Phụ lục") được lập bởi và giữa Các Bên vào ngày 16 tháng 04 năm 2025, thống nhất các nội dung sau:

This Appendix 03 ("Appendix") is established by and between the Parties on 16/04/2025 agreeing the following:

1. Phạm vi áp dụng:

Scope of Application:

- 1.1 Phụ lục này được áp dụng cho Nhà cung cấp thực hiện việc cung cấp dịch vụ hoặc hàng hóa cho Panasonic, bao gồm nhưng không giới hạn, Công ty TNHH Panasonic Việt Nam hoặc bất kỳ công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Công ty TNHH Panasonic Việt Nam.

This Appendix applies to Supplier providing services or goods to Panasonic, including but not limited to Panasonic Vietnam Co., Ltd., or any of its subsidiaries, branches, representative offices, or business locations.

- 1.2 Phụ lục này được áp dụng trong quá trình Nhà cung cấp cung cấp Dịch vụ hoặc Hàng hóa cho Panasonic.

This Appendix shall be applicable during the period in which the Supplier provides Services or Goods to Panasonic.

2. Định nghĩa:

Definitions:

- 2.1 **Hợp đồng** có nghĩa là hợp đồng cung cấp dịch vụ hoặc hoặc đồng cung cấp hàng hóa được ký kết giữa Nhà cung cấp và Panasonic.

"Contract" refers to the service provision contract or goods supply contract signed between the Supplier and Panasonic.

- 2.2 **Trang thiết bị** có nghĩa là các phương tiện, máy móc, thiết bị, dụng cụ, vật tư, bảo hộ lao động hoặc bất kỳ trang thiết bị nào được Nhà cung cấp sử dụng để cung cấp Dịch vụ, Hàng hóa cho Panasonic.

"Equipment" means any vehicles, machinery, equipment, tools, materials, occupational safety equipment, or any other equipment used by the Supplier in providing Services or Goods to Panasonic.

- 2.3 **Người lao động** có nghĩa là người lao động làm việc cho Nhà cung cấp, bất kể là lao động chính thức hay lao động thuê mướn tạm thời, có quan hệ lao động với Nhà cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp.

"Employee" refers to any individual working for the Supplier, whether as a permanent or temporary employee, having a direct or indirect employment relationship with the Supplier.

- 2.4 **Nơi làm việc** có nghĩa là nơi Người lao động của Nhà cung cấp thực hiện công việc để cung cấp Dịch vụ hoặc Hàng hóa cho Panasonic, bao gồm nhưng không giới hạn, cơ sở làm việc của Nhà cung cấp, cơ sở làm việc của Panasonic, cơ sở làm việc khác được Nhà cung cấp hoặc Panasonic chỉ định để thực hiện công việc hoặc trên các phương tiện giao thông, phương tiện làm việc khác sử dụng cho mục đích công việc.

"Workplace" means the location where the Supplier's Employees perform tasks to provide Services or Goods to Panasonic, including but not limited to the Supplier's work facilities, Panasonic's

facilities, other designated workplaces by the Supplier or Panasonic for the execution of tasks, or on transport vehicles and other working vehicles used for work purposes.

- 2.5 Sự cố mất an toàn có nghĩa là bất kỳ sự kiện không mong muốn nào, có thể bao gồm một tai nạn hoặc một sự kiện có khả năng xảy ra tai nạn, xảy ra trong môi trường làm việc hoặc trong quá trình thực hiện công việc, dẫn đến hậu quả tai nạn hoặc có khả năng gây ra thương tích, bệnh tật, thiệt hại cho tài sản, môi trường, hoặc sự gián đoạn hoạt động kinh doanh.

"Safety Incident" refers to any unwanted event, including an accident or a potential accident occurrence, happening in the work environment or during the performance of work, leading to or potentially causing injuries, illnesses, property damage, environmental harm, or business operation disruption.

3. Cam kết chung của NHÀ CUNG CẤP:

General Commitments of the SUPPLIER:

- 3.1 Nhà cung cấp, bằng văn bản này, cam kết tuân thủ và thực thi đầy đủ tất cả các nội quy, quy định, quy trình và chính sách của Panasonic về an toàn, vệ sinh lao động cũng như các quy định pháp luật liên quan trong toàn bộ quá trình cung cấp dịch vụ, hàng hóa cho Panasonic cũng như các sửa đổi, bổ sung theo từng thời điểm. Đồng thời, Nhà cung cấp đã được yêu cầu và cam kết phổ biến, tập huấn và kiểm tra việc tuân thủ các nội dung này của nhân viên, công ty con, chi nhánh và các bên liên quan được Nhà cung cấp chỉ định, ủy quyền ký kết thầu phụ để thực hiện cung cấp dịch vụ, hàng hóa cho Panasonic (nếu có).

The Supplier hereby commits, in writing, to fully comply with and implement all internal regulations, rules, procedures, and policies of Panasonic regarding occupational safety and health, as well as related legal regulations throughout the process of providing services and goods to Panasonic, including any amendments or additions made from time to time. Furthermore, the SUPPLIER has been required and commits to disseminate, train, and monitor compliance with these contents by its employees, subsidiaries, branches, and related parties designated or authorized by the Supplier to subcontract in providing services and goods to Panasonic (if any).

- 3.2 Các nội quy, quy định, quy trình, và chính sách của PANASONIC về an toàn, vệ sinh lao động, bao gồm nhưng không giới hạn, **CHÍNH SÁCH VỀ AN TOÀN LAO ĐỘNG** sẽ được Panasonic cung cấp cho Nhà cung cấp thông qua email, phương tiện liên lạc hoặc sẽ được trao đổi trực tiếp với người lao động của Nhà cung cấp trong quá trình thực hiện Hợp đồng.

*Panasonic's internal regulations, rules, procedures, and policies on occupational safety and health, including but not limited to the **OCCUPATIONAL SAFETY POLICY**, will be provided to the Supplier via email, communication means, or will be directly exchanged with the Supplier's employees in the course of contract execution.*

- 3.3 Các nội quy, quy định, quy trình, và chính sách của Panasonic về an toàn, vệ sinh lao động không phải là nguồn tài liệu duy nhất và đề cập đến mọi tình huống về an toàn, vệ sinh lao động có thể xảy ra trên thực tế, Nhà cung cấp có nghĩa vụ tìm hiểu và tuân thủ tất cả chính sách, thủ tục, quy định pháp luật Việt Nam trong quá trình thực hiện hợp đồng. Để làm rõ, khi có bất kỳ mâu thuẫn nào giữa các quy định đề cập tại cam kết này và bất kỳ quy định pháp luật hoặc quy định nào khác, các tiêu chuẩn, quy định chặt chẽ hơn đối với Nhà cung cấp sẽ được áp dụng.

Panasonic's internal regulations, rules, procedures, and policies on occupational safety and health are not the sole source of documentation and do not cover every possible situation regarding occupational safety and health that may arise in reality. The Supplier is obliged to research and comply with all policies, procedures, and Vietnamese legal regulations during the contract execution. For clarification, in case of any contradiction between the stipulations mentioned in this commitment and any other legal or regulatory provisions, the stricter standards and regulations applicable to the Supplier will be enforced.

- 3.4 Nhà cung cấp cam kết tuân thủ các nguyên tắc và chuẩn mực quốc tế về quyền con người. Điều này bao gồm việc đảm bảo không có hành vi phân biệt đối xử, bóc lột lao động, lao động cưỡng bức hoặc lao động trẻ em trong chuỗi cung ứng của Nhà cung cấp. Nhà cung cấp phải thực hiện các biện pháp để bảo vệ quyền và phúc lợi của nhân viên, bao gồm cả sức khỏe tâm thần và thể chất của họ.

The Supplier commits to adhering to international principles and standards on human rights. This includes ensuring no discriminatory practices, labor exploitation, forced or child labor exist within the Supplier's supply chain. The Supplier must implement measures to protect the rights and welfare of its employees, including their mental and physical health.

4 Kiểm soát rủi ro về An toàn lao động

Occupational Safety Risk Control

4.1 Chứng chỉ và trình độ:

Certifications and Qualifications:

- Nhà cung cấp đảm bảo những Người lao động được lựa chọn để cung cấp dịch vụ cho Panasonic, đều được trang bị chứng chỉ và có trình độ phù hợp để thực hiện dịch vụ một cách an toàn, chính xác theo quy định pháp luật;

The Supplier ensures that Employees selected to provide services to Panasonic are equipped with appropriate certifications and qualifications necessary to perform the services safely and accurately in accordance with legal regulations.

- Nhà cung cấp sẵn sàng cung cấp cho Panasonic các tài liệu chứng minh trình độ hoặc năng lực của người lao động cung cấp dịch vụ cho Panasonic bất kỳ thời điểm nào theo yêu cầu của Panasonic.

The Supplier shall, upon request from Panasonic, furnish documentation evidencing the qualifications or competencies of the workforce engaged in rendering services to Panasonic, at any given time.

4.2 Trang thiết bị:

Equipment:

- Nhà cung cấp đảm bảo rằng các Trang thiết bị được Nhà cung cấp sử dụng trong quá trình cung cấp dịch vụ, hàng hóa cho Panasonic, dù là tài sản của Nhà cung cấp hay tài sản do Nhà cung cấp đi thuê, đi mượn hoặc sử dụng... đều được kiểm định, kiểm tra, bảo dưỡng, hiệu chuẩn định kỳ hoặc đảm bảo đầy đủ các yêu cầu khác theo quy định pháp luật để hoạt động bình thường và đảm bảo an toàn cho người lao động;

The Supplier guarantees that Equipment used in the process of providing services and goods to Panasonic, whether owned by the Supplier or leased, borrowed, or otherwise utilized, is regularly inspected, maintained, calibrated, and meets all legal requirements to operate normally and ensure Employee safety.

- Nhà cung cấp đảm bảo cung cấp một môi trường làm việc an toàn và lành mạnh cho người lao động của mình để phòng ngừa các rủi ro và tai nạn. Theo đó, Nhà cung cấp cung cấp và đảm bảo nhân viên sử dụng thiết bị bảo hộ lao động phù hợp với mức độ rủi ro công việc, và tuân thủ tiêu chuẩn an toàn quốc gia và quốc tế.

The Supplier ensures the provision of a safe and healthy working environment for its Employees to prevent risks and accidents. Accordingly, the Supplier must provide and ensure employees use appropriate personal protective equipment based on the risk level of their jobs, complying with national and international safety standards.

- Nhà cung cấp sẵn sàng cung cấp cho Panasonic các tài liệu chứng minh các Trang thiết bị đảm bảo các yêu cầu theo quy định pháp luật vào bất kỳ thời điểm nào theo yêu cầu của Panasonic.

The Supplier shall, upon request from Panasonic, furnish documentation evidencing that the Equipment adheres to the requisite legal standards and regulations at any specified time.

4.3 Đào Tạo An Toàn Lao Động:

Occupational Safety Training:

- Tùy thuộc vào loại hình dịch vụ hoặc hàng hóa được cung cấp, Nhà cung cấp đảm bảo thực hiện đầy đủ việc đào tạo an toàn lao động cho Người lao động theo quy định pháp luật;

Depending on the type of services or goods provided, the Supplier ensures the complete implementation of occupational safety training for Employees as required by law.

- Tùy vào đặc thù công việc của các dịch vụ hoặc hàng hóa được cung cấp, Nhà cung cấp sẽ thực hiện việc hướng dẫn về an toàn lao động cho Người lao động trước khi tiếp nhận công việc, phù hợp với năng lực, trình độ.

Depending on the specifics of the Services or Goods provided, the Supplier will conduct occupational safety orientations for Employees before they commence work, suitable to their abilities and qualifications.

4.4 Chính sách an toàn:

Safety Policy:

- Nhà cung cấp đảm bảo có chính sách an toàn riêng để đảm bảo an toàn cho Người lao động khi làm việc, cũng như đảm bảo cho bất kỳ người nào liên quan đến Nơi làm việc khi thực hiện công việc để cung cấp Dịch vụ hoặc Hàng hóa cho Panasonic;
The Supplier ensures having its own safety policy to guarantee safety for Employees while working, as well as for anyone else involved at the Workplace during the execution of Services or Goods for Panasonic.
- Nhà cung cấp phải thực hiện việc kiểm tra an toàn định kỳ theo quy định pháp luật và theo chính sách an toàn riêng của Nhà cung cấp, đánh giá các rủi ro về an toàn tại Nơi làm việc của Người lao động, đánh giá các rủi ro về an toàn có thể xảy ra đối với những người khác.
The Supplier must conduct regular safety inspections as required by law and according to its own safety policy, assessing safety risks at the Employees' Workplace, and evaluating potential safety risks to others.
- Nhà cung cấp phải có các biện pháp đảm bảo an toàn và các biện pháp ngăn ngừa rủi ro Sự cố mất an toàn cho Người lao động hoặc người liên quan khác.
The Supplier must have measures in place to ensure safety and prevent risks of Safety Incidents for Employees or other relevant individuals.
- Nhà cung cấp cam kết rằng tất cả các nhà thầu phụ, công ty con, đại lý, và các đối tác liên quan khác ("Các Bên Liên quan") trong chuỗi cung ứng hàng hóa hoặc dịch vụ cho Panasonic sẽ tuân thủ các chính sách an toàn của chính Nhà cung cấp cũng như các chính sách an toàn đặc biệt do Panasonic yêu cầu. Sự tuân thủ này bao gồm tất cả các tiêu chuẩn, quy trình, và quy định an toàn áp dụng theo quy định của Nhà cung cấp và Panasonic. Nhà cung cấp sẽ đảm bảo rằng các Bên Liên quan này phải có nghĩa vụ hợp đồng tuân thủ những tiêu chuẩn này và sẽ cung cấp bằng chứng về sự tuân thủ này theo yêu cầu của Panasonic.
The Supplier hereby undertakes that all subcontractors, subsidiaries, agents, and any other relevant parties ('Affiliated Entities') within the supply chain of goods or services to Panasonic will adhere to the Supplier's own safety policies, as well as any specific safety policies mandated by Panasonic. This compliance includes all applicable safety standards, procedures, and regulations as established by both the Supplier and Panasonic. The Supplier shall ensure that these Affiliated Entities are contractually obligated to abide by these standards and shall provide proof of such compliance upon request from Panasonic.

5. Sự Cố Mất An Toàn Và Trao Đổi Thông Tin

Safety Incidents and Information Exchange

- 5.1 Nhà cung cấp cần thông báo ngay lập tức cho Panasonic qua Đường dây nóng về bất kỳ Sự cố mất an toàn nào liên quan đến vấn đề an toàn xảy ra cho Người lao động của Nhà cung cấp hoặc bất kỳ người nào khác bị ảnh hưởng bởi Sự cố mất an toàn cho Nhà cung cấp gây ra theo Đường dây nóng sau đây:

- Email: PV_emergency@vn.panasonic.com

The Supplier must immediately notify Panasonic via the Hotline about any Safety Incident related to safety issues occurring to the Supplier's Employees or any other individuals affected by the SUPPLIER's Safety Incident.

- Email: PV_emergency@vn.panasonic.com

Đường dây nóng sẽ hoạt động với chức năng là tiếp nhận thông tin và báo cáo về các vấn đề an toàn. Mọi thông tin được báo cáo thông qua kênh này sẽ được xử lý theo quy trình nội bộ của Panasonic, đảm bảo thông tin trung thực, minh bạch và hiệu quả.

The Hotline shall operate with the function of receiving information and reports pertaining to safety issues. All information reported through this channel will be processed in accordance with Panasonic's internal procedures, ensuring accuracy, transparency, and effectiveness in handling.

- 5.2 Khi xảy ra Sự cố mất an toàn, Nhà cung cấp ngay lập tức tiến hành các hoạt động sau:

In case of safety incidents, the Supplier must implement the following activities:

- 5.2.1 Nhà cung cấp phải cung cấp báo cáo sơ bộ trong vòng 48 giờ và báo cáo chi tiết trong vòng 7 ngày kể từ ngày xảy ra Sự Cố Mất An Toàn.

The Supplier must provide a preliminary report within 48 hours and a detailed report within 7 days from the date of the Safety Incident.

- 5.2.2 Nhà cung cấp phải hợp tác với Panasonic để phân tích nguyên nhân và xác định các biện pháp khắc phục và tổ chức thực hiện.
The Supplier must cooperate with Panasonic in analyzing the causes and determining corrective measures, and implement corrective actions.
- 5.2.3 Trong quá trình điều tra nguyên nhân và thực hiện khắc phục hậu quả, Panasonic có quyền tạm ngưng hợp đồng với Nhà cung cấp bằng một thông báo bằng văn bản cho Nhà cung cấp trong vòng một (01) ngày làm việc.
During the investigation of causes and implementation of corrective measures, Panasonic has the right to temporarily suspend the contract with the Supplier by providing a written notice to the Supplier within one (1) working day.
- 5.3 Trường hợp phát sinh bất kỳ Sự Cố Mất An Toàn nào, Nhà cung cấp sẽ không sử dụng hoặc cho phép sử dụng phương tiện truyền thông xã hội theo bất kỳ cách nào mà hoạt động này có thể ảnh hưởng xấu đến danh tiếng của Panasonic và phải luôn xin phép Panasonic cho bất kỳ việc sử dụng ảnh hoặc phương tiện truyền thông nào khác được ghi lại trên các trang web của Tập đoàn, logo, tài liệu bản quyền, nhãn hiệu và dữ liệu thuộc về Panasonic.
In the event that Safety Incidents arises, the Supplier shall not use or permit to use any social media in any way that could negatively impact Panasonic's reputation and must always seek Panasonic's permission for any use of images or other media captured on the Group's websites, logos, copyrighted materials, trademarks, and personal data belonging to Panasonic.
- 5.4 Nhà cung cấp có thể có những lo ngại về bất kỳ hành vi vi phạm thực tế hoặc tiềm ẩn nào đối với luật, quy định hiện hành, Cam kết tuân thủ an toàn lao động này được thực hiện bởi Giám đốc hoặc bất kỳ Nhân viên nào của Panasonic, hoặc bất kỳ ai thực hiện công việc cho Panasonic hoặc hành động thay mặt cho Panasonic, Nhà cung cấp sẽ báo cáo vấn đề này cho Panasonic qua Đường dây nóng nêu trên.
Should the Supplier have concerns about any actual or potential violation of laws, current regulations, this Commitment to Compliance with Occupational Safety, conducted by any Director or Employee of Panasonic, or anyone performing work for Panasonic or acting on behalf of Panasonic, the Supplier shall report the issue to Panasonic through the mentioned above hotline.

6. Kiểm Tra Định Kỳ Và Đột Xuất

Regular and Unannounced Inspections

- 6.1 Panasonic, tùy vào quyết định của mình trong bất kỳ thời điểm nào, có quyền tiến hành kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất đối với Nhà cung cấp để đánh giá việc tuân thủ các yêu cầu về an toàn. Việc đánh giá tuân thủ có thể được thực hiện thông qua hình thức trực tiếp tại cơ sở làm việc của Nhà cung cấp, tại Nơi làm việc hoặc đánh giá thông qua việc yêu cầu Nhà cung cấp cung cấp các tài liệu, giấy tờ chứng minh việc tuân thủ.
At its discretion, at any time, Panasonic reserves the right to conduct regular or unannounced inspections of the Supplier to assess compliance with safety requirements. Compliance assessment may be carried out through direct inspections at the Supplier's facilities, at the Workplace, or by reviewing documents and papers provided by the Supplier demonstrating compliance.
- 6.2 Panasonic có quyền yêu cầu Nhà cung cấp, bằng chi phí của Nhà cung cấp, thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn đối với các rủi ro mất an toàn, thực thi các biện pháp khắc phục Sự cố mất an toàn, bồi thường thiệt hại... nếu Panasonic phát hiện bất kỳ rủi ro mất an toàn hoặc Sự cố mất an toàn nào trong quá trình Kiểm tra.
Panasonic has the right to require the Supplier, at the Supplier's expense, to implement safety assurance measures for identified safety risks, execute corrective measures for Safety Incidents, compensate for damages, etc., if Panasonic detects any safety risks or Safety Incidents during the Inspection process.
- 6.3 Trừ trường hợp có thỏa thuận khác giữa các bên, các biện pháp bảo đảm an toàn phải được Nhà cung cấp thực hiện trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày Panasonic thông báo cho Nhà cung cấp.
Unless otherwise agreed between the parties, the Supplier must implement these safety assurance measures within fifteen (15) days from the date Panasonic notifies the Supplier.

7. Trách Nhiệm Pháp Lý của Nhà cung cấp

Legal Responsibilities of the Supplier

- 7.1 Nhà cung cấp chịu trách nhiệm pháp lý đối với bất kỳ thiệt hại hoặc vi phạm nào liên quan đến việc không tuân thủ các yêu cầu này.
The Supplier is legally responsible for any damages or violations related to non-compliance with these requirements.
- 7.2 Nếu Panasonic phát hiện ra bất kỳ Sự cố mất an toàn nào hoặc các hành vi phạm cam kết tại Phụ lục này của Nhà cung cấp, căn cứ theo tính chất và mức độ vi phạm, Panasonic có quyền thực hiện một hoặc tất cả các chế tài sau đây:
If Panasonic discovers any Safety Incidents or violations of Supplier's commitments in this Appendix, based on the nature and extent of the violation, Panasonic has the right to take one or all of the following sanctions:
- 7.2.1 Gửi văn bản nhắc nhở;
Sending reminding document;
- 7.2.2 Lập biên bản xử phạt vi phạm và phạt theo quy định tại mục 7.3 của Phụ lục này
Draft a record of violation penalties and impose fines in accordance with the provisions set forth in section 7.3 of this Appendix.
- 7.2.3 Yêu cầu Nhà cung cấp bồi thường thiệt hại mà Panasonic phải gánh chịu phát sinh từ hoặc liên quan tới việc vi phạm của Nhà cung cấp;
Request Supplier to compensate for damages suffered by Panasonic arising from or related to Supplier's violation
- 7.2.4 Đơn phương chấm dứt Hợp đồng và áp dụng các chế tài theo quy định tại Hợp đồng.
Unilaterally terminate the Contract and apply sanctions as prescribed in the Contract.
- 7.3 Tùy vào mức độ vi phạm và hậu quả của hành vi vi phạm do Panasonic đánh giá, Panasonic có quyền áp dụng các mức phạt vi phạm như sau:
Depending on the level of violation and the consequences of the violating behavior as assessed by Panasonic, Panasonic reserves the right to apply the following levels of violation penalties:
- Đối với vi phạm ít nghiêm trọng (các vi phạm không cố ý hoặc do sơ suất nhỏ, không dẫn đến thiệt hại về sức khỏe hoặc/và tài sản, môi trường. VD: sai sót nhỏ trong tuân thủ quy trình an toàn hoặc thiếu sót không đáng kể trong báo cáo an toàn): cảnh cáo hoặc phạt tiền không quá 5.000.000 VNĐ (Năm triệu đồng chẵn).
For minor violations (unintentional violations or minor negligence, not leading to damage to health and/or property, environment. E.g., minor errors in safety procedure compliance or insignificant omissions in safety reporting): reminder or penalties not over VND 5,000,000 (five million Vietnamese dong).
 - Đối với vi phạm nghiêm trọng (vi phạm cố ý hoặc sơ suất lớn, gây ra rủi ro đáng kể, có thể hoặc thực tế gây hậu quả đối với sức khỏe và/hoặc tài sản, môi trường. VD: bỏ qua các quy định an toàn quan trọng, không tuân thủ các quy trình an toàn đã được thiết lập..., tai nạn hoặc chấn thương nhẹ, gây thiệt hại không nghiêm trọng về tài sản hoặc môi trường.): từ trên 5.000.000 VNĐ (Năm triệu đồng chẵn) đến không quá 10.000.000 VNĐ (Mười triệu đồng chẵn).
For serious violations (intentional violations or major negligence, posing significant risk, potentially or actually leading to consequences for health and/or property, environment. E.g., ignoring important safety regulations, non-compliance with established safety procedures..., minor accidents or injuries, causing non-serious damage to property or the environment): from over 5.000.000 VND (five million Vietnamese dong) to not over VND 10,000,000 (ten million Vietnamese dong).
 - Đối với vi phạm đặc biệt nghiêm trọng (vi phạm cố ý hoặc sơ suất cực kỳ nghiêm trọng, vi phạm pháp luật, đạo đức, gây ra hậu quả nghiêm trọng đến sức khỏe và/hoặc tài sản, môi trường. VD: tai nạn cụt chi, tai nạn chết người, thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản hoặc môi trường): từ trên 10.000.000 VNĐ (Mười triệu đồng chẵn) đến không quá 20.000.000 VNĐ (Hai mươi triệu đồng chẵn)
For particularly serious violations (intentional violations or extremely serious negligence, legal and ethical violations, resulting in serious consequences for health and/or property, environment. E.g., accidents resulting in amputation, fatal accidents, serious damage to property or the environment): from over 10.000.000 VND (ten million Vietnamese dong) to not over VND 20,000,000 (twenty million Vietnamese dong).
- Ngoài ra, Nhà cung cấp còn phải thực hiện các biện pháp khắc phục và các biện pháp tránh tái diễn theo yêu cầu của Panasonic.

Additionally, the Supplier must also implement corrective measures and recurrence prevention measures as required by Panasonic.

Để tránh hiểu lầm, mức phạt nêu tại Điều 7.3 này là mức phạt bổ sung ngoài quy định về trách nhiệm khi vi phạm hợp đồng quy định tại Hợp đồng.

To avoid misunderstanding, the penalties stated in Section 7.3 here are supplementary to the liabilities for contract breaches stipulated in the Contract.

7.4 Nhà cung cấp sẽ bảo vệ Panasonic không bị thiệt hại về tài chính, danh tiếng liên quan đến việc Nhà cung cấp thực hiện không đúng, không đầy đủ hoặc không thực hiện các quy định về an toàn lao động, có hoặc không dẫn đến bất kỳ vi phạm hoặc gây ra bất kỳ Sự cố mất an toàn nào do lỗi của Nhà cung cấp, Người lao động, Nhà thầu phụ hoặc các đơn vị liên kết của Nhà cung cấp gây ra.

The Supplier shall indemnify Panasonic against any financial or reputational damage related to the Supplier's incorrect, incomplete, or non-implementation of occupational safety regulations, whether or not it leads to any violations or causes any Safety Incidents due to the fault of the Supplier, its Employees, Subcontractors, or affiliated entities of the Supplier.

8. Chấm dứt Hợp đồng

Termination of the Contract

8.1 Trong trường hợp phát hiện Sự Cố Mất An Toàn do Nhà cung cấp gây ra, Panasonic có quyền chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức bằng cách thông báo bằng văn bản cho Nhà cung cấp trong vòng 02 ngày làm việc.

In the event of a Safety Incident caused by the Supplier, Panasonic has the right to immediately terminate the Contract by providing written notice to the Supplier within 02 working days.

8.2 Để làm rõ, Panasonic có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng theo Điều 8.1 của Phụ lục này mà không phải chịu các trách nhiệm pháp lý nào theo quy định Hợp đồng, cũng như không ảnh hưởng đến bất kỳ quyền lợi nào Panasonic được hưởng theo quy định tại Hợp đồng đã ký kết với Nhà cung cấp hoặc các quyền khác theo quy định pháp luật.

For clarification, Panasonic reserves the right to unilaterally terminate the Contract under Section 8.1 of this Appendix without incurring any legal liabilities as stipulated in the Contract, and this shall not affect any rights or benefits Panasonic is entitled to under the provisions of the Contract signed with the Supplier or any other rights as prescribed by law.

9. Quy định chung

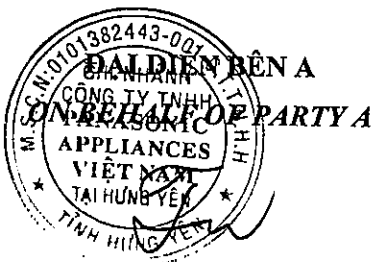
General Terms

9.1 Phụ lục này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng. Các thuật ngữ và định nghĩa tại Phụ lục này, trừ khi hoàn cảnh được hiểu khác đi, sẽ được hiểu và có nghĩa như được định nghĩa tại Hợp đồng.

This Appendix is an integral part of the Contract. The terms and definitions in this Appendix, unless otherwise understood in the circumstances, shall be understood and have the meaning as defined in the Contract.

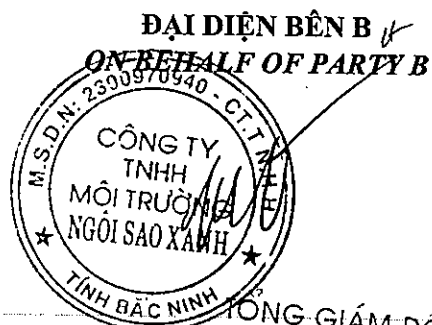
9.2 Phụ lục này được lập song ngữ tiếng Anh và tiếng Việt. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa tiếng Anh và tiếng Việt thì tiếng Việt có giá trị ưu tiên sử dụng.

This Appendix is made in bilingual (English and Vietnamese). In case of discrepancy between the English and Vietnamese, the Vietnamese shall prevail.



GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH

Takehiro Uenohara



TỔNG GIÁM ĐỐC

Vũ Văn Cường



YATIRIM DAİRESİ BAŞKANLIĞI
KURUMSAL İRAT VE İKTİSADİ İŞLER BÖLÜMÜ

YATIRIM DAİRESİ BAŞKANLIĞI
KURUMSAL İRAT VE İKTİSADİ İŞLER BÖLÜMÜ